

BẢNG SỐ 10: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN EA SÚP NĂM 2014
 Kèm theo Quyết định số: **4-1** /2013/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
I	Thị trấn Ea Súp			
1	Hùng Vương	Lương Thế Vinh	Cổng trước Hạt Kiểm Lâm	1.700.000
		Cổng trước Hạt Kiểm Lâm	Đập tràn thủy lợi 1	2.500.000
		Đập tràn thủy lợi 1	Kênh Chính Đông (nhà ông Minh Mẫu)	3.500.000
		Kênh Chính Đông	Ngã ba Công ty lâm nghiệp Chư Ma Lanh	2.700.000
2	Lạc Long Quân	Ngã ba Công ty lâm nghiệp Chư Ma Lanh	Cầu sắt suối Ea Súp	2.000.000
		Hùng Vương	Lê Hồng Phong	3.500.000
		Lê Hồng Phong	Tô Hiệu	2.500.000
3	Tô Hiệu	Tô Hiệu	Nguyễn Trãi	2.100.000
		Nguyễn Du	Lạc Long Quân	1.200.000
4	Điện Biên Phủ	Lạc Long Quân	Điện Biên Phủ	1.700.000
		Hùng Vương	Tô Hiệu	2.100.000
5	Áu Cơ	Tô Hiệu	Nguyễn Trãi	1.300.000
		Hùng Vương	Nơ Trang Long	3.500.000
		Nơ Trang Long	Y Ngông	2.000.000
		Y Ngông	Y Ni Ksor	900.000
6	Trần Phú	Lạc Long Quân	Đỉnh Núp	1.500.000
		Đỉnh Núp	Điện Biên Phủ	1.300.000
7	Nguyễn Trãi	Điện Biên Phủ	Lạc Long Quân	1.000.000
		Lạc Long Quân	Hồ Xuân Hương	1.500.000
8	Đường vành đai	Hồ Xuân Hương	Hết đường	1.000.000
		Cuối đường Nguyễn Trãi	Giáp ranh giới xã Cư M'lan (đường vành đai)	600.000
9	Đỉnh Núp	Hùng Vương	Trần Phú	1.500.000
		Trần Phú	Hết đường	600.000
		Lê Hồng Phong	Tô Hiệu	500.000
10	Phạm Ngọc Thạch	Hùng Vương	Điện Biên Phủ	800.000
11	Lê Hồng Phong (gồm cả hai bên đường)	Điện Biên Phủ	Nguyễn Du	1.000.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
12	Nguyễn Du	Hùng Vương Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong Nguyễn Trãi	1.500.000 1.200.000
13	Nguyễn Trung Trực	Âu Cơ Lý Thường Kiệt	Lý Thường Kiệt Kênh N1	800.000 600.000
14	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Thị Minh Khai	Âu Cơ	1.200.000
		Âu Cơ	Lý Thường Kiệt	1.000.000
		Lý Thường Kiệt	Kênh N1	800.000
15	Nơ Trang Long	Nguyễn Thị Minh Khai	Âu Cơ	1.000.000
		Âu Cơ	Lý Thường Kiệt	800.000
		Lý Thường Kiệt	Kênh N1	700.000
16	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	800.000
17	A Ma Jhao	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	600.000
18	Trần Bình Trọng	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	600.000
19	Y Ngông	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	600.000
20	Lê Lai	Nguyễn Thị Minh Khai	Âu Cơ	500.000
		Lý Thường Kiệt	Kênh N1	500.000
21	Pi Năng Tắc	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	500.000
22	Bà Triệu	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	500.000
23	Nơ Trang Gùl	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	500.000
24	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	500.000
25	Y Ni K'Sor	Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh N1	500.000
26	Nguyễn Thị Minh Khai	Hùng Vương	Đinh Tiên Hoàng	1.000.000
		Đinh Tiên Hoàng	Y Ni K'Sor	700.000
		Hùng Vương	Nguyễn Văn Trỗi	1.500.000
27	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Văn Trỗi	Nơ Trang Gùl	800.000
28	Hồ Xuân Hương	Nguyễn Trãi	Nguyễn Đình Chiểu	900.000
29	Nguyễn Đình Chiểu	Hùng Vương	Hồ Xuân Hương	800.000
30	Chu Văn An	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Trãi	800.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
31	Tôn Thất Tùng	Hùng Vương	Nguyễn Trãi	600.000
32	Lương Thế Vinh	Hùng Vương	Nguyễn Trãi	600.000
33	Lê Quý Đôn	Hồ Xuân Hương	Lương Thế Vinh	600.000
		Lương Thế Vinh	Hết đường	400.000
34	Đường đi xã Ea Bung	Hùng Vương	Đình Tiên Hoàng	1.000.000
		Đình Tiên Hoàng	Giáp xã Ea Bung	800.000
		Y Ni Ksor	Giáp xã Ea Bung (Suối Tre)	400.000
35	Đường song song với đường Điện Biên Phủ	Hùng Vương	Phạm Ngọc Thạch	800.000
		Phạm Ngọc Thạch	Hết đường	500.000
		Nguyễn Trãi	Ngã ba nhà ông Long	800.000
		Ngã ba nhà ông Long	Ngã ba đất nhà ông Thử	600.000
36	Đường đi huyện Cư M'gar	Ngã ba đất nhà ông Thử	Đất nhà ông Quyết (Đ. Ven Hồ)	400.000
		Đất nhà ông Quyết (Đ. Ven Hồ)	Ngã 3 đi huyện Cư M'gar	400.000
		Ngã ba đất nhà ông Thử (đường phía trên)	Giáp xã Cư M'lan	500.000
37	Đường giao thông	Từ ngã ba nhà ông Hường	Ngã ba nhà ông Thành	500.000
38	Đường giao thông	Ngã tư nhà ông Kỳ (Tỉnh lộ 1)	Kênh Chính Tây	300.000
39	Đường đi Trạm nước	Giáp đường Điện Biên Phủ	Hết đường (đi qua trạm nước)	400.000
40	Tỉnh lộ 1	Lương Thế Vinh	Ngã tư đất nhà ông Kỳ	1.300.000
		Ngã tư đất nhà ông Kỳ	Cây xăng (giáp xã Cư M'lan)	1.000.000
41	Đường vuông góc với Tỉnh lộ 1	Tỉnh lộ 1 (nhà ông Đường)	Hết đất nhà ông Hào (CAGT)	600.000
		Tỉnh lộ 1 (đối diện nhà ông Kỳ)	Đường vành đai (cuối đường Nguyễn Trãi)	600.000
42	Đường kênh Chính Tây	Hùng Vương (cổng Hạt Kiểm Lâm)	Giáp ranh giới xã Cư M'lan	400.000
43	Khu dân cư còn lại			150.000
II	Xã Cư M'lan			
		Cây xăng	Ngã tư (UBND xã)	700.000
		Ngã tư (UBND xã)	Cầu Đắk Bùng	600.000
I	Tỉnh lộ 1	Cầu Đắk Bùng	Hết ranh giới đất Xường đũa	500.000
		Hết ranh giới đất Xường đũa	Giáp huyện Buôn Đôn	200.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
2	Đường vành đai	Ngã tư Đắk Bùng (UBND xã)	Giáp thị trấn Ea Súp	320.000
3	Đường đi xã Ya Tò Mót	Ngã tư Đắk Bùng (UBND xã)	Cổng qua kênh N1	320.000
4	Đường đi huyện Cư M'gar	Giáp thị trấn Ea Súp	Trạm phân trường 3 - Công ty lâm nghiệp Chư Ma Lanh	200.000
5	Ngã ba đường vào Xường Đức Liên	Tỉnh lộ 1	Vào tới 300m	100.000
6	Khu dân cư còn lại			70.000
III Xã Ea Lê				
1	Đường liên xã	Cầu Sắt (giáp thị trấn Ea Súp)	Cổng kênh Chính Đông thôn 1	400.000
		Cổng kênh Chính Đông thôn 1	Cầu Tỉnh thôn 5	500.000
		Cầu Tỉnh thôn 5	Cổng Kênh N11 (thôn 6)	700.000
		Cổng Kênh N11 (thôn 6)	Giáp xã Ea Rók	220.000
		Ngã ba (chợ Ea Lê)	Ngã ba nhà ông Thành	500.000
2	Đường đi xã Cư K'Bang	Ngã ba nhà ông Thành	Cổng 18T (kênh Chính Đông)	300.000
		Cổng 18T (kênh chính Đông)	Giáp xã Cư K'Bang	200.000
3	Đường liên thôn	Từ nhà ông Lê Sỹ Tấn	Ngã tư thôn 7	100.000
4	Khu dân cư còn lại			70.000
IV Xã Ea Rók				
1	Đường liên xã	Giáp xã Ea Lê	Ngã ba nhà ông Thanh Lệ	350.000
		Ngã ba nhà ông Thanh Lệ	Hết nhà Ông Dạy	550.000
		Hết nhà ông Dạy	Cầu Cây Sung	650.000
		Cầu Cây Sung	Ngã tư (hết đất trụ sở UBND xã)	2.000.000
		Ngã tư (hết đất trụ sở UBND xã)	Cầu qua sông Ea Hleo	1.300.000
2	Các đường khác thuộc Trung tâm cụm xã Ea Rók			330.000
3	Đường đi Tháp Chàm (thôn 5, 6)	Đầu nhà ông Học Lược	Cầu (nhà ông Nhượng)	300.000
		Cầu ông Nhượng	Đường vào Tháp Chàm	230.000
		Đường vào Tháp Chàm	Cầu suối cận thôn 5	220.000
4	Đường đi 737	Đoạn từ ngã ba Quảng Đại	Cầu (nhà ông Nhât)	300.000
		Cầu (nhà ông Nhât)	Đoạn từ đập tràn thôn 21, 22	220.000
		Đoạn từ đập tràn thôn 21, 22	Cầu xi măng qua xã Ya Tò Mót	200.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
5	Khu dân cư còn lại			70.000
V	Xã Ia Jlori			
1	Đường liên xã	Cầu qua sông Ea H'Leo Ngã ba Công ty lâm nghiệp Ea H'Mơ Ngã ba đường đi buôn Ba Na	Ngã ba Công ty lâm nghiệp Ea H'Mơ Ngã ba đường đi buôn Ba Na Hết khu dân cư buôn Ba Na	700.000 300.000 60.000
2	Đường đi Trung Đoàn 736	Ngã ba Công ty lâm nghiệp Ya Lốp	Suối cay số 9 (ranh giới địa giới hành chính xa Ya Lốp)	60.000
3	Khu dân cư còn lại			50.000
VI	Xã Ea Bung			
1	Đường trục 1	Giáp thị trấn Ea Súp Ngã ba đường vào nhà ông Thuận Ngã ba đường đi Ea Ôi	Ngã ba đường vào nhà ông Thuận Ngã ba đường đi Ea Ôi Giáp xã Ya Tờ Mốt (cầu sắt)	250.000 300.000 170.000
2	Đường trục 2	Ngã ba đường đi Ea Ôi	Giáp xã Ya Tờ Mốt (cầu xây)	140.000
3	Đường trục 3	Giáp thị trấn Ea Súp (cổng trên suối tre)	Giáp trục 2	170.000
4	Đường trục 4	Nhà bà Nguyễn Thị Mười (ngã ba thôn 10)	Giáp ranh giới xã Cư M'lan	120.000
5	Đường vành đai Trung tâm Xã	Nhà ông Uyển thôn 3 Nhà bà Nhâm thôn 10	Nhà ông Phòng thôn 4 Nhà ông Đào thôn 10	120.000 120.000
6	Khu dân cư còn lại			70.000
VII	Xã Ya Tờ Mốt			
1	Đường trục 1	Giáp xã Ea Bung (cầu xây thôn 10) Ngã ba thôn 7 (nhà ông Trung) Hết ranh giới đất Trường THCS Lê Quý Đôn	Ngã ba thôn 7 (nhà ông Trung) Hết Trường THCS Lê Quý Đôn Hết khu dân cư thôn 12	200.000 300.000 150.000
2	Đường trục 2	Giáp xã Ea Bung cầu sắt đội 9 Hết vườn nhà ông Lê Ngọc Tuấn Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Tô Ván	Hết vườn nhà ông Lê Ngọc Tuấn Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Tô Ván Giáp trục 1	150.000 170.000 200.000
3	Khu dân cư còn lại			60.000
VIII	Xã Cư K'Bang			
1	Đường trục chính	Giáp xã Ea Lê Cầu xây (Trạm y tế)	Cầu xây (Trạm Y tế) Ngã ba thôn 4A	150.000 200.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
2	Đường Liên xã	Ranh giới đất nhà ông Cù Văn Toan Hết Trường tiểu học Lê Hồng Phong	Hết ranh giới đất nhà ông Lập Đầu thôn 15 (Giáp xã Ea Rôk)	100.000 100.000
3	Đường liên thôn	Ranh giới đất nhà ông Tuyềnh	Hết ranh giới đất nhà ông Dũng	100.000
		Ranh giới đất nhà ông Thao	Hết ranh giới đất nhà bà Bé Thị Thị	100.000
		Ranh giới đất nhà ông Bảo	Hết ranh giới đất nhà ông Việt	100.000
		Ranh giới đất nhà ông Tuấn	Hết ranh giới đất nhà ông Phiêu	80.000
		Đường từ nhà ông Thuận (thôn 11)	Hết thôn 6 xã Cư Khang	100.000
4	Khu dân cư còn lại			80.000
IX	Xã Ya Lốp			
1	Đường trục 1	Thôn Vùg, thôn Dư, thôn Thanh Phú	Ngã ba thôn chợ Lách	80.000
		Ngã ba thôn chợ Lách - thôn Ba Trì	Kéo dài 200m toả theo các tuyến	90.000
		Ngã tư thôn Đoàn về hướng Trung Đoàn 736	Ngã ba Trạm xá kéo dài 500m đi Trung Đoàn 736	150.000
		Ngã ba Trạm xã 736 (cũ:725)	Kéo dài 500m đi về thôn Dư	150.000
		Ngã tư thôn Đoàn	Ranh giới đất nhà ông Sinh kéo dài 250m	150.000
		Ranh giới đất nhà ông Tuấn (thôn Chiềng)	Ngã tư đường 14C	100.000
		Cách ngã ba chợ Lách - Ba Trì 200m	Ngã ba Trung Đoàn 736	100.000
2	Đường trục 2	Cách ngã ba thôn Đại Thôn 200m về hướng thôn Nhập	Hết ngã ba thôn Nhập	80.000
		Ngã ba cây nước đại Thôn	Kéo dài 200m toả theo các tuyến	100.000
		Ngã tư thôn Chiềng	Kéo dài 200m toả theo các tuyến	100.000
		Ngã tư thôn Chiềng 200m	Ngã tư đường 14C	90.000
3	Đường trục 3	Cách ngã ba thôn Đại Thôn 200m về hướng Trung Đoàn 736	Đến ngã ba Trung Đoàn 736 (thôn Quý Mùi)	90.000
4	Khu dân cư còn lại			60.000
X	Xã Ia Rvé			
		Ngã tư thôn 1, 4	Ngã tư thôn 6	130.000
		Ngã 59	Ngã tư Trung Đoàn 739	80.000
		Ngã tư Trung đoàn 739	Ngã tư khu QHTT xã	170.000
		Ngã tư khu QHTT xã	Hết khu QHTT xã	200.000
		Hết khu QHTT xã	Ngã tư thôn 6	130.000
1	Đường trục 1			

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Ngã tư thôn 6	Đến ngã tư thôn 7, 10	130.000
		Đến ngã tư thôn 7, 10	Giáp xã Ya Tờ Mốt	100.000
2	Đường trục 2 (đường số 2 khu quy hoạch trung tâm xã)			170.000
3	Đường trục 3 (đường số 3 khu quy hoạch trung tâm xã)			160.000
4	Đường trục 4	Ngã tư đường trục 1	Ngã tư đường trục 2	180.000
5	Đường trục 5	Ngã tư đường trục 2	Ngã tư đường trục 3	130.000
6	Khu dân cư còn lại			60.000

BẢNG SỐ 9: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BUÔN ĐÔN NĂM 2014

Kèm theo Quyết định số: 44 /2013/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
I	Khu Trung tâm huyện			
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba tỉnh lộ 17 (đường vào thôn 14)	Ngã ba Nghĩa trang liệt sĩ	450.000
		Ngã ba Nghĩa trang liệt sĩ	Ngã tư Viện kiểm sát	700.000
		Ngã tư Viện kiểm sát	Ngã tư Bưu điện	900.000
		Ngã tư Bưu điện	Ngã tư Đài truyền thanh	1.000.000
		Ngã tư Đài truyền thanh	Chi nhánh điện Buôn Đôn - Ea súp	800.000
		Chi nhánh điện Buôn Đôn - Ea súp	Ngã tư Hạt Kiểm lâm	500.000
		Ngã tư Hạt Kiểm lâm	Hết dốc 50	300.000
		Ngã tư Đài truyền thanh	Hết trường cấp III Buôn Đôn	500.000
		Hết trường cấp III Buôn Đôn	Giáp đường vành đai phía đông	400.000
		Ngã tư Đài truyền thanh	Ngã ba Trường Hồ Tùng Mậu	500.000
2	Các đường ngang	Ngã ba Trường Hồ Tùng Mậu	Ngã ba đường VH1 thủy điện Sêrêpôk 4	450.000
		Ngã ba đường VH1 thủy điện Sêrêpôk 4	Ngã ba ông Tề	350.000
		Ngã ba ông Tề	Giáp sông Sêrêpôk	200.000
		Ngã tư Thư viện	Ngã ba đường bao phía Đông (TT chính trị)	300.000
		Ngã tư Viễn thông	Hết ngã ba đường VH1 thủy điện Sêrêpôk 4	300.000
		Ngã ba Tỉnh lộ 17 (1 cũ - đường đi bầu heo)	Hết đường ngang (lô A7.2)	500.000
		Dọc lô A7 và lô A10		500.000
		Đường dọc lô A10 phía tây		300.000
		Đường giữa lô A10		250.000
		Ngã ba hết lô A7	Hết đường ngang lô A10	500.000
		Hết đường ngang (lô A7.2)	Giáp qui hoạch huyện phía Tây	300.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Hết lô A7	1.000.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
2	Các đường ngang	Dọc đường lô A6	Đến hết ranh giới đất Viện Kiểm sát	400.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba lô A6	1.000.000
		Ngã ba lô A6	Hết qui hoạch phía Tây	500.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Cuối Phòng Tài chính - Kế hoạch	500.000
		Ngã tư Bưu điện	Ngã ba Chữ thập đỏ	500.000
		Ngã ba Chữ thập đỏ	Hết quy hoạch phía Tây	250.000
		Ngã ba Chữ thập đỏ	Đường ngang lô B2 (đi đôi Cây)	250.000
		Ngã ba Chữ thập đỏ (lô A1,A4)	Đường Nghĩa trang liệt sĩ	400.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Nghĩa trang liệt sĩ	400.000
		Ngã ba Trung tâm Giáo dục thường xuyên	Giáp cầu phía Đông	250.000
		Ngã tư Phòng Giáo dục huyện	Hết ngã ba Ủy ban dân số	300.000
		Các trục đường còn lại Lô A11		300.000
		Đường dọc hết lô A 12	Hết lô A 12	400.000
		Ngã tư Tỉnh lộ 17 (1 cũ)		500.000
		Từ Tòa án huyện	Bệnh viện huyện	200.000
		Đường vành đai phía Tây		300.000
4	Đường ngang lô B1, B2 (mặt sau)			300.000
5	Đường dọc lô A2, A3			300.000
6	Các khu dân cư có trục đường >=3,5m			100.000
7	Khu dân cư còn lại			80.000
II Xã Ea Nui				
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh giới với thành phố Buôn Ma Thuột	Hết ranh giới đất nhà thờ Giáo họ Hòa Nam	700.000
		Hết ranh giới đất nhà thờ Giáo họ Hòa Nam	Hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Tuấn	500.000
		Hết ranh đất nhà ông Phạm Văn Tuấn	Hết cầu buôn Niêng	800.000
		Hết cầu buôn Niêng	Hết ngã tư đường vào buôn Niêng 3	500.000
		Hết ngã tư đường vào buôn Niêng 3	Giáp ranh xã Tân Hòa	300.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
2	Đường ngang	Ngã ba cây xăng (Khuang Minh Yên)	Ngã ba ba Tân	300.000
		Ngã ba ba Tân	Đường nhựa giáp thủy điện SêrêPók 3	250.000
		Ngã ba Hoà An (TLL1)	Giáp nghĩa địa Hoà An	300.000
		Giáp nghĩa địa Hoà An	Giáp ranh xã Hoà Xuân	200.000
		Ngã ba UBND xã	Hết ranh giới thôn Hoà Nam 2	100.000
		Đầu buôn Mđhar 1	Hết ranh giới buôn Mđhar 3	100.000
3	Đường trục chính thôn Đại Đồng	Đầu buôn Mđhar 1	Hết ranh giới thôn Hoà Thanh	100.000
		Đầu buôn Niêng 2	Hết ranh giới buôn Mới (134)	100.000
		Ngã 3 thôn Hòa An	đi sinh Cư Bơ	250.000
4	Các khu dân cư có trục đường >=3,5m			80.000
5	Khu dân cư còn lại			60.000
III Xã Ea Bar				
1	Tỉnh lộ 19A (5 cũ)	Giáp ranh giới xã Cuôr Knia	Hết ranh giới đất Trường Lê Văn Tám	300.000
		Hết ranh giới đất Trường Lê Văn Tám	Ngã tư chợ cũ	500.000
		Ngã tư chợ cũ	Ngã tư đường đi thôn 18	1.200.000
		Ngã tư đường đi thôn 18	Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã	800.000
		Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã	Hết công thôn 8	700.000
		Hai trục ngang bên hông chợ Ea Bar		1.000.000
		Hết công thôn 8	Hết Công thôn 6	450.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Hạnh thôn 6	Hết ranh giới đất nhà bà Trai thôn 5	550.000
		Hết ranh giới đất nhà bà Trai thôn 5	Hết ranh giới thửa đất ông Mỹ (châu Sơn)	350.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Mỹ (châu Sơn)	Ngã ba Đài tưởng niệm	150.000
		Ngã ba Đài tưởng niệm	Hết ranh giới đất nhà ông Ma Oan	200.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Ma Oan	Giáp ranh thành phố Buôn Ma Thuột	350.000
		Ngã tư chợ cũ	Giáp nghĩa địa	250.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
2	Đường ngang	Cửa hàng nông sản Thanh Bình	Ngã tư nhà bà Diện	150.000
		Ngã tư nhà bà Diện	Hết ranh giới đất nhà ông Hiếu	250.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Hiếu	Giáp ranh xã Ea M'hang - Cư M'gar	150.000
		Ngã tư nhà bà Diện	Hết cầu cây sung	150.000
		Hết cầu cây sung	Giáp ranh xã Cuôr Knia	100.000
		Đầu thôn 18	Đường đi nghĩa địa 15/3	250.000
		Ngã ba ông Nhiều	Hết ranh giới đất nhà ông La (đường lô 2)	400.000
				120.000
3	Khu vực thôn 5 và 6			100.000
4	Các khu dân cư có trục đường >=3,5m			70.000
5	Các khu dân cư còn lại			
IV	Xã Cuôr Knia			
1	Các đường giao thông thôn	Giáp ranh giới xã Tân Hòa	Ngã ba thôn 3	180.000
		Ngã ba thôn 3	Ngã ba ông Hanh	210.000
		Ngã ba ông Hanh	Giáp ranh giới xã Ea Bar	150.000
		Ngã ba thôn 3	Đập cây sung	100.000
		Đập cây sung	Giáp ranh giới xã Ea M'hang (huyện Cư M'gar)	90.000
		Ngã ba thôn 12	Thôn 10 xã Ea Bar	70.000
		Ngã ba thôn 6	Giáp ranh giới thôn 17 xã Ea Bar	100.000
		Ngã ba thôn 9	Giáp đường đi Ea Bar	70.000
2	Khu vực thôn 4			100.000
3	Giáp thôn 16 xã Ea Bar			120.000
4	Các khu dân cư có trục đường >=3,5m			60.000
5	Các khu dân cư còn lại			50.000
V	Xã Tân Hòa			
		Giáp ranh giới xã Ea Nuôl (suối cạn)	Ngã ba đường vào Niệm phật đường Tân Tiến	150.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Hết ngã ba đường vào Niệm phát đường Tân Tiến	Hết thôn 9	250.000
		Hết thôn 9	Hết thôn 10	400.000
		Hết thôn 10	Hết ranh giới thôn 12	250.000
		Hết ranh giới thôn 12	Cây xăng Nam Tây Nguyên	250.000
		Cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã ba ông Thao	300.000
2	Đường ngang	Ngã ba Tân Tiến	Hết ranh giới Trường Hoàng Văn Thụ	350.000
		Hết ranh giới Trường Hoàng Văn Thụ	Cổng nội thôn 6	250.000
		Cổng nội thôn 6	Hết Trường tiểu học Lê Lợi	300.000
		Hết Trường tiểu học Lê Lợi	Giáp ranh xã Cuôr Knia	200.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - Ngã ba nhà bà Lợi)	Hết ranh giới chợ	150.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - Ngã ba Bưư điện VH xã)	Vào lô F	150.000
3	Đường dọc lô E và D trung tâm xã	Ngã ba ông Lâm	Suối bà Chín	150.000
4	Khu dân cư còn lại của thôn 14			150.000
5	Giáp ranh thôn Ea Duất xã Ea Wer			100.000
6	Đường lô 2 >=3,5 m	Thôn 4	Thôn 8	150.000
	Đường lô 2	Ngã ba tỉnh lộ 19	hết thôn 9	150.000
7	Các khu dân cư có trục đường >=3,5m			100.000
7	Các khu dân cư còn lại			80.000
VI Xã Ea Wer				
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Dốc 50 (giáp ranh trung tâm huyện)	Đầu thôn 4	150.000
		Đầu thôn 4	Cổng thủy lợi (thôn 7)	200.000
		Cổng Thủy Lợi (thôn 7)	Cầu Ea Tul	180.000
		Cầu Ea Tul	Cầu 33	150.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Đầu thôn 8	100.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
2	Đường ngang	Đầu thôn 8	Đập dâng Nà Xô	80.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - nhà ông Luong)	Hết ngã ba vào Nghĩa địa thôn 4	100.000
		Hết ngã ba vào Nghĩa địa thôn 4	Hết thôn 9	80.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - buôn Tul B)	Vào thôn 9	80.000
		Đường Tỉnh lộ 17 (1 cũ - ngã ba Nà Wel)	Cổng Nà Wel	80.000
		Đầu cổng Nà Wel	Giáp sông Sétépôk	70.000
		Sau trạm y tế xã	Cầu Ea Tul (đường lô 2)	100.000
		Đầu buôn Tul B	Hết đường 135 (đường lô 2)	100.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - thôn 6)	Buôn Ea Pri	80.000
3	Các đường buôn Tul A			70.000
4	Các đường buôn Tul B			70.000
5	Các khu dân cư có trục đường >=3,5m			60.000
6	Khu dân cư còn lại			50.000
VII Xã Ea Huar				
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Cầu 33	Cầu 34	250.000
		Cầu 34	Cầu 35	180.000
		Cầu 35	Giáp ranh xã Krông Na	140.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	đi xã Ea Mroh - Cư M'gar	110.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Buôn Rêch A	120.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Thác 7 nhánh	120.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	hết đường buôn mới 134	80.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba cầu 34 (Sau UBND xã)	120.000
3	Các khu dân cư có trục đường >=3,5m			60.000
4	Khu dân cư còn lại			50.000
VIII Xã Krông Na				
		Giáp ranh xã Ea Huar	Ngã tư xương ché biến gỗ VinaFor	150.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã tư xưởng chế biến gỗ VinaFor	Hết ranh giới đất cây xăng	250.000
		Hết ranh giới đất cây xăng	Ngã ba đường vào buôn Trí	300.000
		Ngã ba đường vào buôn Trí	Hồ Ea Rông	200.000
		Hồ Ea rông	Ngã tư Bán Đôn	150.000
		Ngã tư Bán Đôn	Cầu Ea Mar	110.000
		Cầu Ea Mar	Đập Đắk Min	150.000
		Đập Đắk Minh	Giáp ranh huyện Ea Súp	100.000
2	Đường ngang	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba Khăm Thung	100.000
		Ngã ba Khăm Thung	Cầu buôn Trí	140.000
		Cầu buôn Trí	Ngã tư Bán Đôn	120.000
		Ngã ba Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Hết ranh giới buôn Trí B	150.000
		Ngã tư Bán Đôn	Buôn Ea Mar (đường 135)	100.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Hạt kiểm lâm Vườn Quốc Gia YokĐôn	80.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Khu du lịch hồ Đắk Minh	100.000
3	Đường giao thông	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Buôn Đrăng Phốc	60.000
		Trung tâm cụm xã		160.000
		Khu vực buôn Ea Rông B		120.000
		Tỉnh lộ 1	Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A	100.000
		Từ trung tâm xã	Đi thác phát	100.000
		Buôn Jang Lành	Đi thác Phát (sau xưởng Vinafor)	80.000
				50.000

BẢNG SỐ 8: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN M'ĐRĂK NĂM 2014

Kèm theo Quyết định số: **41**/2013/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
1	Thị trấn M'Đrăk			
1	Nguyễn Tấn Thành (QL 26)	Km 63 + 700 (cầu Y Thun)	Km 64 + 700 (ngã ba đường B. Phao)	850.000
		Km 64 + 700 (ngã ba đường buôn Phao)	Km 65 + 200 (giáp ranh giới đất Trường Mầm non)	900.000
		Km 65 + 200 (giáp ranh giới Trường Mầm non)	Km 65 + 500 (hết ranh giới đất Trường Kim Đồng)	1.200.000
		Km 65 + 500 (hết ranh giới đất Trường Kim Đồng)	Km 65 + 680 (hết ranh giới đất Bảo hiểm xã hội)	1.750.000
		Km 65 + 680 (hết ranh giới đất Bảo hiểm xã hội)	Km 65 + 760 (Cầu ông Tri)	1.200.000
		Km 65 + 760 (cầu ông Tri)	Km 66 + 250 (hết ranh giới đất nhà ông Sơn C. An)	1.050.000
		Km 66 + 250 (hết ranh giới đất nhà ông Sơn C. An)	Km 66 + 300 (giáp ranh xã Krông Jing)	900.000
2	Bà Triệu	Nguyễn Tấn Thành (QL26) Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo hết đường	350.000 250.000
3	Hùng Vương (từ nhà ông Phú trở vô hướng Nam đến cuối đường)	Nguyễn Tấn Thành (QL26)	Km 0 + 150 (giáp ranh giới đất nhà ông Tám Tròn)	350.000
4	Tôn Thất Tùng .	Nguyễn Tấn Thành (QL26)	Phan Bội Châu	250.000
5	Trần Phú	Từ km 0 + 110 (Hội trường Khối 7)	Km 0 + 110 (Hội trường khối 7)	350.000
6	Hùng Vương	Nguyễn Tấn Thành (QL26)	Phan Bội Châu	250.000
7	Ngô Quyền (về 2 phía QL 26)	Nguyễn Tấn Thành (QL26)	Quang Trung	350.000
		Nguyễn Tấn Thành (QL26)	Quang Trung	400.000
		Km 0	Hết đường Phan Bội Châu	250.000
		Phan Bội Châu	Giáp đường vành đai thị trấn	200.000
		Km 0	Ngã tư hết ranh giới đất nhà ông Bình	160.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
		Ngã tư hết ranh giới đất nhà ông Bình	Hết đường	100.000
8	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Tất Thành (Tòa án)	Phan Bội Châu	400.000
		Phan Bội Châu	Đường vành đai phía Tây Nam thị trấn	200.000
		Đường vành đai Tây Nam thị trấn	Hết đường	120.000
9	Lê Lợi	Nguyễn Tất Thành (nhà ông Thom)	Km 0 + 200 (hết ranh giới đất nhà bà Cư)	200.000
		Km 0+200 (hết r. giới đất nhà bà Cư)	Km 0 + 400	100.000
		Km 0 + 400 trở đi	Hết đường	60.000
10	Nguyễn Trãi	Nguyễn Tất Thành	Phan Bội Châu	350.000
		Phan Bội Châu	Đường vành đai phía Tây Nam thị trấn	200.000
		Đường vành đai Tây Nam thị trấn	Hết đường	120.000
11	An -D- Vương (Đài TT-TH)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 200 (giáp đường Hoàng Diệu)	330.000
12	Hoàng Diệu về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	350.000
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Đến đường trục dọc sau Trạm Thú y	300.000
		Đường trục dọc sau Trạm Thú y	Phan Bội Châu	200.000
13	Giải Phóng	Đất ông Sơn (Công An) tại km 0	Phan Bội Châu	400.000
14	Các trục đường ngang không th ra đường (QL 26)	Km 0	Km 0 + 200	100.000
		Km 0 + 200	Km 0 + 400	60.000
15	Trục dọc //(sau trạm điện)	Lý Thường Kiệt	Ngô Quyền	150.000
16	Lê Duẩn	Từ đường vào Huyện đội	Nguyễn Trãi	250.000
17	Đường vào Huyện đội	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Cổng Huyện đội	300.000
18	Đường trục dọc khu quy hoạch XN gỗ	Hoàng Diệu	Hết hết đường (sau Trạm Thú y)	200.000
19	Các trục đường ngang tại khu vực XN gỗ	Từ đường trục dọc sau Trạm Thú y	Đến đường trước Trường THCS Hùng Vương	200.000
20	Các đường ngang còn lại thông ra đường QL26	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 200	200.000
		Km 0 + 200	Km 0 + 400	100.000
		Km 0 + 400	Hết đường	60.000
21	Các hẻm ngang thông ra đường QL 26	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Km 0 + 200	150.000
		Km 0 + 200 trở đi		60.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
22	Bùi Thị Xuân (đi B.Phao)	Nguyễn Tấn Thành (QL26) Cầu buôn Phao	Cầu buôn Phao	240.000
23	Quang Trung	Ranh giới đất nhà ông Vính (khối 1)	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	90.000
24	Trần Hưng Đạo (sau chợ Thị trấn)	Quang Trung Bà Triệu	Trần Hưng Đạo	250.000
25	Phân Bội Châu	Bà Triệu	Hết đường	240.000
26	Các đường dọc còn lại trong Thị trấn	Giải Phóng	Ngô Quyền	200.000
27	Các hẻm dọc trong khu nội thị			250.000
28	Đường ngang dưới khu chợ	Nguyễn Tấn Thành (QL26)	Km 0 +100 (giáp đường Trần Hưng Đạo)	100.000
29	Kí ốt chợ	Các lô chợ lòng và 16m2 Các lô 24m2		60.000
30	Đường Tây Nam thị trấn	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Hoa		400.000
31	Khu dân cư còn lại		Giáp ranh giới xã Krông Jing	200.000
II	Xã Ea Trang			60.000
1	Quốc lộ 26	Km 30 giáp địa giới tỉnh Khánh Hoà	Km 34 + 500 Trạm kiểm Lâm số 1	50.000
		Km 34 + 500 Trạm Phúc kiểm số 1	Km 46 + 500 (ngã ba Ea Krông)	60.000
		Km 46 + 500 (ngã ba Ea Krông)	Km 40 + 200 (Trạm Y tế xã)	50.000
		Km 40 +200 (Trạm Y tế xã)	Km 43 + 300 (ngã ba đi Ea Bra)	70.000
		Km 43 + 300 (ngã ba đi Ea Bra)	Km 45 + 300 (cầu Ba Danh)	50.000
		Km 45 + 300 (cầu Ba Danh)	Km 48 (buôn M'Guê)	60.000
		Km 48 (buôn M'Guê)	Km 49 + 500 (nhà ông Tranh)	50.000
		Km 49 + 500 (nhà ông Tranh)	Km 50 + 500 (giáp địa giới xã Cư M'Ta)	60.000
		Km 0 (từ Dài Tường niệm)	Km 2 (nhà Y Ngang)	60.000
		Km 2 (nhà Y Ngang)	Hết buôn Ea Boa	50.000
2	Đường vào Ea Krông			
5	Khu dân cư còn lại			
III	Xã Cư M'Ta			50.000
		Km 50 + 500 giáp xã Ea Trang	Km 56 + 400 đèo M'drăk (đường Bít cũ)	60.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 26	Km 56 + 400(đường Bít cũ)	Km 59 + 400 (hết đất nhà ông Hồng, Th 19)	90.000
		Km 59 + 400 (hết đất nhà ông Hồng)	Km 61 + 400 (hết buôn Năng)	180.000
		Km 61 + 400 (hết buôn Năng)	Km 62 + 100 (hết ranh giới đất nhà bà Tiêm, buôn 2)	400.000
		Km 62 + 100 (hết ranh giới đất nhà bà Tiêm buôn 2)	Km 62 + 650 (hết ranh giới đất Trạm Thủy văn)	550.000
		Km 62 + 650 (hết ranh giới đất Trạm Thủy văn)	Km 63 + 700 (ranh giới Thị trấn)	700.000
2	Các trục ngang cắt QL 26	Trục đường đi xã Cư Kơră, từ km 0	Km 1 giáp ranh xã Cư Kơră	60.000
		Các trục thôn Tân Lập - km 0	Km 0 + 200	60.000
		Các trục còn lại km 0	Km 0 + 200	50.000
		Từ km 0 + 200 trở đi		50.000
3	Đường Bùi Thị Xuân (đi B.Phao)	Cầu buôn Phao	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	90.000
4	Đường buôn Phao đi thôn 1 Quyết Thắng	Từ ngã ba buôn Phao (nhà ông Ma Nguhen)	Đến hết ranh giới đất nhà ông Nga thôn 1	50.000
5	Đường mới phía Tây Nam thị trấn kéo dài	Giáp Quốc lộ 26	Giáp ranh giới Thị trấn (nhà ông Hoa, tổ 5)	200.000
6	Khu dân cư còn lại			50.000
IV	Xã Krông Jing			
1	Quốc lộ 26	Km 66 + 300	Km 66 + 500 (hết đất UBNDHHGD)	850.000
		Km 66 + 500 (hết đất UBNDHHGD)	Km 66 + 850 (hết đất Lâm trường)	600.000
		Km 66 + 850 (hết đất Lâm trường)	Km 67 + 800 (hết khu dân cư buôn Aê Lai)	420.000
		Km 67 + 800 (hết khu DC buôn Aê Lai)	Km 69 + 500 (qua trại bò huyện)	280.000
		Km 69 + 500 (qua trại bò huyện)	Suối Ea Huê	110.000
2	Đường đi 715	Suối Ea Huê	Km 76 + 650 (giáp ranh Ea Pil)	180.000
		Km 0 (nhà ông Tiến Thảo)	Km 0 + 600 (cầu buôn Mlökk)	500.000
		Km 0 + 600 (cầu buôn Mlökk)	Km 3 + 500 (buôn Choăh đường đi xã Ea Lai)	250.000
		Km 3 + 500 (buôn Choăh đường đi xã Ea Lai)	Km 4 + 900 (giáp ranh xã Ea Riêng)	160.000
		Km 0 (buôn Mlökk)	Hết đất khu dân cư buôn Hoang	120.000
		Từ hết đất khu dân cư buôn Hoang	Ngăn 4 giáp ranh xã Ea Lai	60.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG	
		Từ	Đến
3	Các trục ngang đường 715	Km 0 (buôn Choăh)	Hết ranh giới đất nhà ông Minh, giáp ranh xã Ea Lai
		Km 0 (buôn M'Găm)	Giáp ranh giới thị trấn
		Km 0 (QL 26)	Km 0 + 300 (đường bao Thị trấn)
4	Đường đi xã Krông Á	Km 0 + 300 (đường bao Thị trấn)	Km 0 + 600 (giáp đất nhà ông Cửu buôn Trung)
		Km 0 + 600	Giáp đường Trường sơn đông(buôn Um)
		Giáp đường Trường sơn đông(buôn Um)	Giáp ranh giới xã Krông A
5	Đường vào Trường Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 26	Hết đường
6	Dãy 2 khu quy hoạch trung tâm xã và dãy 2 quy hoạch đường vào Trường Trần Hưng Đạo		
7	Dãy 2 khu quy hoạch trại bò huyện và dãy 2 khu quy dân cư buôn Aê Lai		
8	Đường mới phía Tây Nam thị trấn kéo dài	Giáp ranh giới Thị trấn	Giáp Quốc lộ 26 (ngã ba buôn Tai)
9	Khu quy hoạch dân cư thôn 4		
10	Khu dân cư còn lại		
V	Xã Ea Pil		
		Km 76 + 650 (giáp ranh xã KrôngJing)	Hết ranh giới đất nhà ông Trí
		Hết ranh giới đất nhà ông Trí	Đến Km 78
		Hết hội trường thôn 1	Km 79 + 200 (hết ranh giới đất nhà ông Nhiên) thôn 9
1		Km 79 + 200 (hết ranh giới đất nhà ông Nhiên) thôn 9	Km 80 + 600 (cây xăng Nguyệt Thoại) thôn 2
		Km 80 + 600 (cây xăng Nguyệt Thoại) thôn 2	Km 81 + 50 (hết ranh giới đất bà Hiền Ngụ)
		Km 81 + 50 (hết ranh giới đất bà Hiền Ngụ)	Hết ranh giới đất bà Dự (đường vào nghĩa địa)
		Đầu ranh giới thừa đất bà Dự (đường vào nghĩa địa)	Km 84 (giáp ranh xã Ea Tý - Huyện Ea Kar)
2	Trục ngang từ QL 26 đi thôn 8	Km 0	Hết ranh giới đất nhà ông Hảo, thôn 11
		Hết ranh giới đất nhà ông Hảo thôn 11	Hết ranh giới đất nhà ông Chiến, thôn 11
		Hết ranh giới đất nhà ông Chiến thôn 11	Hết đường

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG	
		Từ	Đến
3	Quốc lộ 26 nhà bà Dự thôn 3 đi dốc Nín thờ	Km 0 + 300	Km 0 + 600
4	Các trục ngang nối từ QL 26 về 2 phía thuộc thôn 2, 3, 9	Km 0 (tại km 73 + 800 về 02 phía) Km 0 + 300	Km 0 + 300 Km 0 + 600
5	Đường đi xã Cư Pao	Từ km 0 (QL26) Km 0 + 600	Km 0 + 600 Giáp xã Cư Pao
6	Về 2 phía thuộc thôn 4, 10	Km 0	Km 0 + 300
7	Khu dân cư còn lại		
VI	Xã Krông Á		
1	Đường giao thông chính	Tuyến đường đi từ giáp ranh xã Krông Jing	Hết ranh giới đất nhà bà Nguyễn (thôn 3)
		Ngã ba đường đi thôn 4	Ngã ba thôn 3 (nhà ông An) + 200
		Ngã ba thôn 3 (nhà ông An) + 200	Giáp ranh giới xã Cư San
		Ngã ba nhà ông Tuấn Hòa vào Trung Nguyễn	Hết ranh giới đất nhà ông Tôn, thôn 1
		Hết ranh giới đất nhà ông Tôn thôn 1	Đường đi thôn 1, tới ngã ba nhà ông An
		Hết ranh giới đất nhà bà Nguyễn	Hết ranh giới đất nhà ông Cầm
		Hết ranh giới đất nhà ông Cầm	Hết ranh giới đất nhà bà Dang
		Đường Trường Sơn Đông	
2	Khu dân cư còn lại		
VII	Xã Cư Kroá		
1	Đường giao thông chính	Giáp ranh với xã Cư Mía	Ngầm (gần nhà ông Đinh Vũ Dang)
		Ngầm (gần nhà ông Đinh Vũ Dang)	Giáp ranh giới xã Ea Riêng
2	Quốc lộ 26	Km 50 + 500 giáp xã Ea Trang	Km 56 + 400 đèo M'đrăk (đường Bit cũ)
3	Khu dân cư còn lại		
VIII	Xã Ea Riêng		
1	Đường 715 (đường LTL 13)	Km 4 + 900 (giáp ranh với xã Krông Jing)	KM 11 + 50 (UBND xã)
		Km 11 + 50 (UBND xã)	Km 13 + 600 (ngã ba kho chế biến NT 715A + 100)
		Km 13 + 600 (ngã ba kho chế biến NT 715A+100)	Km 14 + 500 (qua Phòng khám bệnh viện 100m)

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG	
		Từ	Đến
		Km 14 + 500 (qua Phòng khám bệnh viện 100m)	Ranh giới xã Ea Mđoan
2	Đường đi xã Ea M'Lây	Km 0 (ngã ba kho chế biến) thôn 17	Hết ranh giới đất nhà ông Chiến Lâm
3	Đường đi xã Cư M'ta	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Chiến Lâm	Giáp ranh giới xã Ea M'lây
4	Đường đi xã Cư K'rôá	Km 0 (Trạm biến áp)	Giáp ranh giới xã Cư M'ta
5	Các trục đường ngang còn lại từ giáp ranh giới xã Krông Jing đến xã Ea Mđoal	UBND xã	Giáp ranh giới xã Cư K'rôá
6	Dãy 2 dân cư thôn 9	Km 0 (tiếp giáp đường Tỉnh lộ 691)	Km 0 + 300
7	Dãy 2 dân cư thôn 13		
8	Dãy 2 dân cư thôn 18		
9	Khu dân cư còn lại		
IX	Xã Ea M'lây		
		Giáp ranh giới xã Ea Riêng	Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Văn Lực
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lưu Văn Lực	Tại ngã ba có đường xuống đập 36
		Tại ngã ba có đường xuống đập 36	Cách ranh giới thửa đất nhà ông Lưu Minh Oai 100m
		Cách ranh giới thửa đất nhà ông Lưu Minh Oai 100m	Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Minh Thu
1	Đường giao thông chính	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lưu Minh Thu	Hết ngã ba đường nhựa (nhà ông Phan Văn Cường)
		Hết ngã ba đường nhựa (nhà ông Phan Văn Cường)	Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Dậm
		Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Dậm	Ranh giới xã Cư Prao (đường buôn Pa cũ)
		Dốc đỏ (giáp ranh xã Ea Lai)	Thôn 10 (đường đi buôn Pa cũ)
		Ngã ba Công ty 715 B	Ngã ba nhà ông Khai
2	Đường liên xã	Giáp thôn 6 xã Ea Riêng	Ngã ba thôn 4 (nhà ông Lê Văn Dũng)
3	Khu dân cư còn lại		
X	Xã Ea Mđoal		

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG	
		Từ	Đến
1	Đường giao thông chính	Giáp ranh giới xã Ea Riêng	Cổng NT 715 C
		Cổng NT 715 C	Hết ranh giới đất ông Cảnh (đường tránh vào thủy điện)
		Hết ranh giới đất ông Cảnh (đường tránh vào thủy điện)	Hết ranh giới đất nhà ông Tâm
		Hết ranh giới đất nhà ông Tâm	Hết ranh giới đất nhà ông Cảnh (đường tránh vào thủy điện)
2	Khu dân cư còn lại	Hết ranh giới đất nhà ông Hiệu	Giáp ranh giới xã Sông Hình (Phú Yên)
XI Xã Ea Lai			
1	Đường chính đi Ea Mlây	Giáp ranh xã Krông Jing nhà ông Huệ	UBND xã Ea Lai + 500m
		UBND xã Ea Lai + 500m	Đốc đá (thôn 5)
2	Đường liên xã	Đốc đá (thôn 5)	Giáp ranh giới xã Ea Mlây (đốc đá thôn 5)
3	Tỉnh lộ 13	Ngã ba (quán bà Lý thôn 6)	Giáp ranh Tỉnh lộ 13 (đường đi xã Cư Prao)
		Ngã ba (suối Ea Pa)	Hết ranh giới đất nhà ông Quang
4	Đường liên thôn (thôn 1 đi thôn 7)	Hết ranh giới đất nhà ông Quang	Ngã ba (suối Ea Kô) giáp ranh giới xã Cư Prao
5	Đường liên thôn (thôn 6 đi thôn 11)	Ngã ba nhà ông Hải	Đến hết thôn 7
6	Đường liên thôn (thôn 1 đi Ea Riêng)	Ngã ba Trạm Y tế	Đến hết thôn 11
7	Khu dân cư còn lại	Ngã ba nhà ông Thông	Giáp thôn 2 xã Ea Riêng
XII Xã Cư Prao			
1	Đường giao thông chính	Giáp ranh giới xã Ea Lai	Giáp ranh giới đất nhà bà Nhiên Siếu (thôn 5)
		Giáp ranh giới đất nhà bà Nhiên Siếu (thôn 5)	Giáp khu Trung tâm cụm xã (giáp đầu đường bao Quy hoạch khu trung tâm)
2	Trung khu Trung tâm cụm xã	Trung tâm cụm xã (ngã ba nhà ông Toàn)	Giáp ranh giới xã Ea Pli (suối Krông Jing)
3	Trục đi thôn 10	Các trục đường chính (đi Tỉnh lộ 13 và đi thôn 17)	Ngã ba nhà ông Toàn Hoài
		Giáp đường bao Trung tâm cụm xã	Đến 600m
3	Trục đi thôn 10	Giáp đường bao Trung tâm cụm xã	Đến 600m
		Từ 600m trở đi	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG	
		Từ	Đến
4	Trục đi thôn 7	Giáp đường bao Trung tâm cụm xã Từ 600m trở đi	Đến 600m
5	Trục đường đi Buôn Ba	Giáp đường bao Trung tâm cụm xã Ngầm ông Ba Long Từ ngầm ông Vĩnh	Ngầm ông Ba Long Ngầm ông Vĩnh (hết thôn 3) Thôn 1
6	Đường khu vực Buôn Pa	Giáp ranh giới xã Ea M'Lây (đường buôn Pa cũ) Đập thủy điện Krông Năng	Giáp đường Tỉnh lộ đi Phú Yên Ranh giới Ea Kly - H. Sông Hình - Phú Yên
7	Đường mới khu tái định cư buôn Zô	Từ ngã ba nhà ông Thành	Giáp đường buôn Pa cũ
8	Các trục đường bao khu trung tâm		
9	Khu dân cư còn lại		
XIII Xã Cư San			
1	Đường giao thông chính từ Krông Á vào	Từ cầu vào thôn 11 Cầu đi vào thôn 8 Ngã ba đường lớn thôn 8 vào xã (nhà ông Tùng) Đầu ranh giới thửa đất bà Việt	Hết đường nhựa thôn 9 Hết ranh giới đất nhà Dũng + 50m Hết cầu thôn 7 Trụ sở UBND xã +100
2	Đường giao thông nông thôn	Ngã ba Trường tiểu học Bùi Thị Xuân Ngã ba thôn 9 đi thôn 10	Hết cầu thôn 11 Hết ranh giới đất nhà ông Báo, thôn trưởng thôn 10
3	Đường giao thông chính từ Ea Trang vào Ea Krông	Ngã ba Ea Krông	Đến nhà ông Dương trung Định + 100m Đến Ngã ba sông chò
4	Khu dân cư còn lại		

BẢNG SỐ 7: GIÁ ĐẤT Ồ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN EA KAR NĂM 2014

Kèm theo Quyết định số: 44/2013/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
I	Thị trấn Ea Kar			
1	Nguyễn Tất Thành	Cầu 52 (giáp xã Cư Huê, xã Ea Kmút)	Trần Hưng Đạo	8.000.000
		Trần Hưng Đạo	Hoàng Diệu	9.500.000
		Hoàng Diệu	Km 53 (đường phía Đông chợ)	11.000.000
		Km 53 (đường phía Đông chợ)	Mai Hắc Đế	9.500.000
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	8.000.000
		Trần Phú	Hết Ủy ban dân số gia đình và Trẻ em	5.500.000
		Hết Ủy ban dân số gia đình và Trẻ em	Km 54 + 700 (ranh giới Ea Kar - Ea Dar)	4.000.000
2	Quang Trung	Nguyễn Tất Thành	Lý Thường Kiệt	7.000.000
		Lý Thường Kiệt	Ngã ba đi đội 6, thôn 1A - xã Cư Ni	6.000.000
		Km 0 + 350 (ngã ba đi đội 6, thôn 1A - xã Cư Ni)	Bà Triệu	4.500.000
3	Hoàng Diệu	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	7.000.000
4	Hai Bà Trưng	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Trãi	2.000.000
		Nguyễn Trãi	Áu Cơ	3.000.000
		Áu Cơ	Hết đường	2.000.000
5	Đường chợ phía Đông	Quốc lộ 26	Hai Bà Trưng	7.000.000
6	Áu Cơ	Hai Bà Trưng	Lê Thị Hồng Gấm	1.500.000
		Lê Thị Hồng Gấm	Đỉnh Núp	1.000.000
		Đỉnh Núp	Hết đường	800.000
7	Chu Văn An	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	3.000.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
8	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	2.500.000
		Hai Bà Trưng	Lê Thị Hồng Gấm	1.000.000
		Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	3.500.000
		Lê Thị Hồng Gấm	Hồ Xuân Hương	2.500.000
		Hồ Xuân Hương	Hết Km 1	1.500.000
9	Trần Phú	Hết Km 1	Hết cây xăng Nam Tây Nguyên	800.000
		Hết cây xăng Nam Tây Nguyên	Dường hẻm (Hết đất hộ ông Nguyễn Văn Nhung - Lên)	650.000
		Dường hẻm (Hết đất hộ ông Nguyễn Văn Nhung - Lên)	Hết đường Trần Phú	700.000
		Nguyễn Tất Thành	Y Thuyền Ksor	6.000.000
		Y Thuyền Ksor	Trần Huy Liệu	2.500.000
10	Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	2.000.000
11	Lý Thường Kiệt	Trần Hưng Đạo	Trần Thánh Tông	1.500.000
12	Dường phía Nam Hoa viên	Trần Hưng Đạo	Lạc Long Quân	1.500.000
13	Trần Thánh Tông	Lý Thường Kiệt	Trần Bình Trọng	1.500.000
14	Lạc Long Quân	Trần Hưng Đạo	Bà Triệu	1.200.000
15	Trần Bình Trọng	Lạc Long Quân	Cống thoát nước ở phía Nam nhà máy nước đá	3.000.000
16	Ngô Gia Tự	Nguyễn Tất Thành	Phạm Ngũ Lão	2.000.000
		Cống thoát nước ở phía Nam nhà máy nước đá	Trần Huy Liệu	1.500.000
		Phạm Ngũ Lão	Trần Huy Liệu	1.000.000
		Trần Huy Liệu	Nguyễn Văn Cừ	800.000
		Nguyễn Văn Cừ	Giáp đập Nông trường 720	800.000
		Đầu đường	Hết đường	600.000
17	Nguyễn Bình Khiêm	Đầu đường	Hết đường	600.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
18	Cao Bá Quát	Đầu đường	Hết đường	600.000
19	Nguyễn Thái Học	Đầu đường	Hết đường	600.000
20	Nguyễn Tri Phương	Đầu đường	Hết đường	600.000
21	Mạc Thị Bưởi	Ngõ Gia Tự	Đường vành đai nhà ông Kiên)	600.000
22	Nguyễn Văn Cừ	Ngõ Gia Tự	Đường vành đai bờ hồ (nhà ông Đới)	600.000
23	Trần Nhân Tông	Cao Bá Quát	Nguyễn Văn Cừ	600.000
24	Đường vành đai bờ hồ (nhà ông Đới)	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Văn Cừ	600.000
25	Trần Huy Liệu	Đầu đường	Hết đường	600.000
26	Bà Triệu	Quang Trung	Trần Hưng Đạo	600.000
27	Khu dân cư tổ dân phố 2A + 2B			350.000
28	Khu dân cư tổ dân phố 3A + 3B			450.000
29	Nguyễn Thị Minh Khai	Hai Bà Trưng	Lê Thị Hồng Gấm	1.000.000
		Lê Thị Hồng Gấm	Đình Núp	800.000
		Đình Núp	Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng 3 buôn	600.000
30	Nguyễn Trãi	Hai Bà Trưng	Lê Thị Hồng Gấm	3.000.000
		Lê Thị Hồng Gấm	Đình Núp	2.000.000
		Đình Núp	Hết đường	1.000.000
31	Lê Quý Đôn	Hai Bà Trưng	Đình Núp	800.000
		Đình Núp	Hết đường	600.000
32	Lê Hồng Phong	Lê Thị Hồng Gấm	Đình Núp	800.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Dinh Núp	Ngô Quyền	600.000
		Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	3.500.000
33	Mai Hắc Đế	Lê Thị Hồng Gấm	Dinh Núp	2.000.000
		Dinh Núp	Hết đường	800.000
		Nguyễn Tất Thành	Dinh Núp	1.500.000
34	Y Ngông	Dinh Núp	Hết đường	800.000
35	Mạc Đinh Chi	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	1.500.000
		Lê Thị Hồng gấm	Hết đường	800.000
		Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Trãi	1.000.000
	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Trãi	Mạc Đinh Chi	1.500.000
		Mạc Đinh Chi	Trần Phú	1.200.000
		Trần Phú	Đường xuyên qua Trần Quang Khai	800.000
		Đường xuyên qua Trần Quang Khai	Hết đường	600.000
37	Dinh Núp	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	800.000
		Nguyễn Trãi	Mai Hắc Đế	1.200.000
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	1.000.000
		Trần Phú	Hết ranh giới đất Trường TH Ngô Thị Nhâm	700.000
38	Hồ Xuân Hương	Hết ranh giới đất Trường tiểu học Ngô Thị Nhâm	Hết đường	400.000
39	Lê Lợi	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	2.000.000
		Lê Thị Hồng Gấm	Trần Quang Khai	1.000.000
		Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	700.000
40	Trần Quang Khai	Nguyễn Trãi	Trần Phú	800.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Trần Phú	Hết ranh giới đất Hội trường tổ dân phố 4	800.000
		Hết ranh giới đất Hội trường tổ dân phố 4	Hết đường	600.000
41	Nguyễn Du	Đầu đường	Hết đường	600.000
42	Phạm Ngũ Lão	Ngô Gia Tự	Trần Hưng Đạo	1.000.000
		Ngô Gia Tự	Trần Hưng Đạo	1.000.000
43	Y Thuyền Ksor	Trần Hưng Đạo	Trần Bình Trọng	800.000
		Trần Bình Trọng	Quang Trung	800.000
44	Lê Thánh Tông	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	800.000
		Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	800.000
45	Ngô Quyền	Nguyễn Trãi	Mai Hắc Đế	900.000
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	1.000.000
		Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	850.000
46	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Trãi	Mai Hắc Đế	950.000
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	1.100.000
47	Nguyễn Văn Trỗi	Trần Hưng Đạo	Hết đường	800.000
48	Lương Thế Vinh	Phạm Ngũ Lão	Nguyễn Văn Trỗi	700.000
	Các đường nội thị chưa có tên đường (đã đầu tư cơ sở hạ tầng)			
	Đường có mặt cắt 23m			800.000
49	Đường có mặt cắt 17m			700.000
	Đường có mặt cắt 13m			600.000
	Đường có mặt cắt 10m			550.000
	Các đường nội thị chưa có tên đường (chưa đầu tư cơ sở hạ tầng)			

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
50	Đường có mặt cắt 23m			550.000
	Đường có mặt cắt 17m			500.000
	Đường có mặt cắt 13m			420.000
	Đường có mặt cắt 16m			380.000
51	Khu dân cư 6 buôn đồng bào dân tộc			600.000
52	Khu dân cư tổ dân phố 4	Ngã ba nhà ông Phạm Bá On	Khu bạch đàn (giáp xã Ea Dar)	90.000
53	Khu dân cư suối cạn thuộc tổ dân phố 4	Ngã ba nghĩa địa	Giáp khối 8, khối 9	60.000
54	Khu dân cư tổ dân phố 1, 4, 5			200.000
55	Khu dân cư còn lại			80.000
II Thị trấn Ea Knốp				
1	Quốc lộ 26	Ranh giới Ea Dar - Ea Knốp	Km 62 + 700 (đường vào Bãi vàng)	1.000.000
			Km 62 + 700 (Đường vào Bãi vàng)	1.700.000
			Km 63	2.800.000
			Km 63 + 400 (quán bà Mười)	4.000.000
			Đường vào khối 3 (nhà ông Hoan)	4.600.000
			Hết Công viên 22-12	4.000.000
			Km 64	2.500.000
2	Đường bình bình		Km 64 + 760 (đường vào kho D.19 cũ)	1.200.000
			Ranh giới Ea Knốp - Ea Tih	2.200.000
			Ngã ba Quốc lộ 26	2.700.000
3	Đường vào Cư Yang		Km0, ngã ba Quốc lộ 26	2.700.000
			Đường bình bình (Cổng TTVH 333)	1.700.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
		Km0 + 650 (đường vào Nhà máy đường)	Đường vào cơ khí cũ	700.000
		Đường vào cơ khí cũ	Đập nước	400.000
		Đập nước	Cổng văn hóa Thôn 6B	400.000
		Cổng văn hóa thôn 6B	Hết ranh giới đất Trường tiểu học Kim Đồng	300.000
		Hết ranh giới đất Trường tiểu học Kim Đồng	Ranh giới Ea Knốp - Ea Pal	250.000
4	Đường 30-4	Km 0, ngã ba Quốc lộ 26	Đường phía Bắc chợ Bình Minh	650.000
		Đường phía Bắc chợ Bình Minh	Đập số 01	250.000
		Đập số 01	Hết đường	110.000
5	Đường phía Tây chợ	Km 0, ngã ba Quốc lộ 26	Đường phía Bắc chợ Bình Minh	650.000
6	Đường phía Bắc chợ	Đường 30-4	Đường phía Tây chợ	350.000
7	Cổng văn hóa Khối 4B	Km0 (QL 26) - Cổng văn hóa Khối 4B	Ngã tư hội trường khối 4B	500.000
		Ngã tư hội trường khối 4B	Xưởng Điều 333	250.000
8	Cổng văn hóa Khối 4A	Km0 (QL 26) - Cổng văn hóa Khối 4A	Ngã tư nhà ông Nguyễn Như Lục	600.000
		Ngã tư nhà ông Nguyễn Như Lục	Ngã tư nhà Sơn Long	250.000
9	Đường vào Bãi vàng	Km0 (QL 26) - Cổng văn hóa Khối 2	Ngã ba đường vào Khối 2	250.000
		Ngã ba đường vào Khối 2	Hết nhà bà Kỳ	150.000
10	Đường khối 11	Km0 (QL 26)	Ngã ba nhà ông Trần Giang Thi	150.000
		Ngã ba nhà ông Trần Giang Thi	Đến cầu nhà ông Quốc	100.000
11	Cổng văn hóa thôn 13	Km0 (QL 26) Cổng văn hóa thôn 13	Hội trường thôn 13	150.000
12	Đường đi đập Ea Knốp	Từ Km0 đường đi Cư Yang	Ngã ba giáp Trường Hùng Vương	200.000
		Ngã ba giáp Trường Hùng Vương	Ngã ba sân bóng đá Mini Hải Kiều	130.000
13	Đường đi khối 5, khối 10	Từ Km0 đường đi Cư Yang	Ngã ba cổng văn hóa khối 10	200.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG			Mức giá (đồng/m ²)
		Từ		Đến	
			Ngã ba công văn hóa khối 10	Cổng văn hóa Khối 5	130.000
14	Đường liên khối 1, 4a và 4b		Đường đối diện UBND thị trấn	Ngã tư hội trường khối 4	250.000
15	Đường vào UBND thị trấn		Từ Km0 (ngã ba QL 26)	Nhà máy đường 333	150.000
16	Đường bên cạnh Bưu điện		Từ Km0 (ngã ba QL 26)	Ngã tư nhà ông Khái	650.000
			Ngã tư nhà ông Khái	Ngã tư nhà ông Lâm - Liễu	400.000
17	Khu dân cư khối 1				250.000
18	Khu dân cư khối 2, 3, 4A, 4B, 8, 11				130.000
19	Khu dân cư các khối còn lại				80.000
20	Khu dân cư các thôn còn lại				60.000
III	Xã Ea Dar				
1	Quốc lộ 26		Km 54 + 700 ranh giới Ea Dar – Ea Kar	Km 55 + 554 ngã tư hai buôn)	3.000.000
				Ngã ba đường vào vùng cả phê 30 ha	1.500.000
				Km 57	1.200.000
				Ngã ba đường đi thôn 10	2.200.000
				Cổng trường Dân tộc nội trú	2.500.000
				Đường phía Đông chợ	2.800.000
				Km 60 (ngã ba thôn Hữu Nghi)	1.800.000
			Km 60 (ngã ba thôn Hữu Nghi)	Ranh giới Ea Dar - Ea Knốp	1.100.000
2	Đường đi xã Ea Sô		Quốc lộ 26	Sông Krông Năng	500.000
3	Khu dân cư buôn Sưa và buôn Tong Sinh				450.000
4	Khu dân cư thôn 5				450.000
5	Khu dân cư thôn 7 và thôn 14				150.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
6	Khu dân cư thôn 9 và thôn 10			100.000
7	Khu dân cư còn lại			50.000
IV	Xã Cư Ni			
1	Đường liên xã Cư Ni - Ea Ô	Km 0 + 350 (ranh giới xã Cư Ni - Ea Kar)	Bà Triệu	4.500.000
		Bà Triệu	Km 2 (nhà SHVH cộng đồng 3 buôn)	4.000.000
		Km 2 (nhà SHVH cộng đồng 3 buôn)	Hết chợ xã Cư Ni	3.500.000
		Hết chợ xã Cư Ni	Km 2 + 850 (ngã ba vào đội 8 NT 720)	4.000.000
		Km 2 + 850 (ngã ba vào đội 8 NT 720)	Hết nghĩa địa thôn 4 - xã Cư Ni	1.500.000
		Hết nghĩa địa xã Cư Ni	Đường vào Trường Nguyễn Bình Khiêm	700.000
		Đường vào Trường Nguyễn Bình Khiêm	Đường vào Trạm Y tế NT 721	1.000.000
		Đường vào Trạm Y tế NT 721	Cầu Ea Ô (giáp xã Ea Ô)	700.000
		Đường Quang Trung	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hùng	1.500.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hùng	Hết đường	1.200.000
2	Đường vào đội 6, thôn 1A			
3	Đường thôn 4			
4	Đường liên xã Cư Ni - Ea Pal	Ngô Gia Tự	Ngã tư công đoàn NT 720	500.000
		Đường liên xã Cư Ni - Ea Ô	Ngã tư sân kho đội 7 NT 720	700.000
		Ngã tư Công Văn hóa thôn 7	Ngã tư công Văn hóa thôn 7	700.000
		Ngã ba vào thôn Quảng Cư 1A	Ngã ba vào thôn Quảng Cư 1A	700.000
		Đường vào đập Ea Ô Thượng	Đường vào đập Ea Ô thượng	500.000
		Hết Sinh lúa (nhà ông Nguyễn Hữu Tảo)	Hết Sinh lúa (nhà ông Nguyễn Hữu Tảo)	500.000
5	Đường liên xã Cư Ni	Ranh giới Cư Ni - Ea Knốp	Ngã tư Ea Pal	500.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Thụng	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Thụng	500.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOÀN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Ngã tư Ea Pal	Hết Trường PTH Nguyễn Thái Bình	500.000
		Hết ranh giới thửa đất Trường PTH Nguyễn Thái Bình	Ngã ba nhà ông Sóc	120.000
6	Đường liên thôn	Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng 3 buôn	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hải (Thị hành án)	1.200.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hải (Thị hành án)	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - Trần Huy Liệu	1.000.000
7	Đường đi thôn 5 đến thôn 23			100.000
8	Khu dân cư thôn 5 và thôn 6			100.000
9	Khu dân cư thôn 1A, 1B, 2, 3, 4			200.000
10	Khu dân cư 3 buôn			500.000
11	Khu dân cư thôn 7, 8, 9, Quảng Cư 1A, Quảng Cư 1B, Quảng Cư 2.			70.000
12	Khu dân cư thôn 11, 12, Ea Sinh 1			70.000
13	Khu dân cư còn lại			50.000
V	Xã Ea Kmút			
		Cầu 50	Ngã ba đường đi thôn Ninh Thanh - xã Ea Kmút	1.300.000
		Ngã ba đường đi thôn Ninh Thanh - xã Ea Kmút	Ngã ba đường đi thôn Tứ Lộc - xã Cư Huê	2.500.000
1	Quốc lộ 26	Ngã ba đường đi thôn Tứ Lộc - xã Cư Huê	Hết Nghĩa trang liệt sỹ huyện	4.500.000
		Hết Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Cầu 52	5.000.000
		Quốc lộ 26	Ngã tư Trạm Y tế xã Ea Kmút	1.100.000
2	Đường liên thôn đi Ninh Thanh	Ngã tư Trạm Y tế xã Ea Kmút	Ngã tư trạm hạ thế (Nhà ông Bùi Duy Hòa)	770.000
		Ngã tư trạm hạ thế (Nhà ông Bùi Duy Hòa)	Đường liên xã Cư Ni - Ea Ô	220.000
3	Khu dân cư thôn Chư Cúc, Đoàn Kết			220.000
4	Khu dân cư buôn Gả			300.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
5	Khu dân cư thôn Ninh Thanh 1, thôn Ninh Thanh 2, thôn 12, thôn Hợp Thành, thôn 5			80.000
6	Khu dân cư còn lại			60.000
VI	Xã Cư Huệ			
1	Quốc lộ 26	Cầu 50	Ngã ba đường đi thôn Ninh thanh - xã Ea Kmút	1.300.000
			Ngã ba đường đi thôn Tứ Lộc - xã Cư Huệ	2.500.000
			Ngã ba đường đi thôn Tứ Lộc - xã Cư Huệ	4.500.000
			Nghĩa trang liệt sỹ huyện	5.000.000
			Cầu 52	1.700.000
2	Đường liên thôn đi Tứ Lộc	Quốc lộ 26	Km 1	1.100.000
			Hết ranh giới đất Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	550.000
			Hết ranh giới đất Trường Tiểu học Ngô Quyền	220.000
			Hết đường	220.000
				450.000
3	Khu dân cư thôn Cư An, An Cư và Hợp Thành			170.000
4	Khu dân cư 6 buôn đồng bào dân tộc			70.000
5	Khu dân cư thôn Cư Nghĩa			
6	Khu dân cư còn lại			
VII	Xã Ea Tih			
1	Quốc lộ 26		Km 67 + 700 (nhà ông Bảy Tuấn)	1.000.000
			Km 67 + 700 (nhà ông Bảy Tuấn)	1.100.000
			Km 68 + 500 (nhà ông Tân Nhung)	700.000
			Km 69 + 400	500.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOÀN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
2	Đường liên xã đi Ea Pal	Km 0, Quốc lộ 26	Hết ranh giới đất Trường Tô Hiệu	400.000
		Hết ranh giới đất Trường Tô Hiệu	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bình (thôn Trung Hòa)	250.000
		Công chào thôn Quyết Tiến 1	Công chào thôn Quyết Tiến 1	150.000
		Hết thửa đất nhà ông Nhữ Văn Phúc	Ranh giới xã Ea Pal	200.000
3	Đường liên xã đi Ea Sô	Km 0, Quốc lộ 26	Ngã ba Trạm điện (thôn An Bình)	150.000
		Ngã ba Trạm điện (thôn An Bình)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Thịnh	130.000
4	Khu dân cư Đoàn Kết 1, Trung Tâm, Trung An, Trung Hòa			100.000
5	Khu dân cư thôn Đoàn Kết 2, Quyết Thắng 1, Quyết Thắng 2, An Bình			70.000
6	Khu dân cư buôn Ea Knốp			400.000
7	Khu dân cư còn lại			50.000
VIII	Xã Ea Ô			
1	Đường liên xã Cư Ni - Ea Ô	Cầu Ea Ô	Ngã ba Nông trường 716	1.000.000
		Ranh giới thửa đất nhà bà Chi	Nghĩa địa thôn 23 - xã Cư Ni	50.000
2	Đường liên xã Ea Ô NT718	Ngã ba Nông trường 716	Ngã ba cây xăng NT 716	1.000.000
		Ngã ba cây xăng NT 716	Đầu ranh giới đất Hội trường thôn 14	200.000
		Đầu ranh giới đất Hội trường thôn 14	Giáp xã Vụ Bồn	100.000
3	Đường liên xã Ea Ô Ea Pal	Ngã ba Nông trường 716	Hết ranh giới đất UBND xã EaÔ	1.000.000
		Hết ranh giới đất UBND xã Ea Ô	Ngã ba Lò sạch	440.000
		Ngã ba Lò Gạch	Ngã ba ông Sóc	150.000
4	Khu dân cư Trung tâm xã			200.000
		Ngã ba cây xăng NT 716	Cầu qua sông Krông Pắc	300.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
5	Đường liên xã Ea Ô - Cư Elang	Cầu qua sông Krông Pák	Giáp xã Cư Elang	50.000
6	Đường vào kho Công ty 716	Cầu thôn 4, thôn 6B	Giáp thôn 6C - xã Cư Elang	50.000
7	Đường liên xã Ea Ô - Ea Kmút	Tỉnh lộ 12A	Kho Công ty 716	250.000
8	Khu dân cư thôn 8 và Thôn 12	Ngã ba ông Hành	Cầu Ea Ô - Ea Kmút	50.000
9	Khu dân cư còn lại			70.000
IX	Xã Xuân Phú			50.000
1	Tỉnh lộ 19A	Giáp thị trấn Ea Kar	Ủy ban nhân dân xã	700.000
2	Đường đi vùng dự án cao su NT 720	Ủy ban nhân dân xã	Đường đi vùng dự án cao su NT 720	500.000
3	Đường liên xã	Đường đi vùng dự án cao su NT 720	Ranh giới Ea Kar - Krông Năng	200.000
		Tỉnh lộ 19A	Giáp sông Krông Năng	200.000
		Giáp sông Krông Năng	Cầu Ea Tao	100.000
		Cầu Ea Tao	Cầu Ea Trol	80.000
		Giáp Tỉnh lộ 19A	Hết ranh giới thôn 5	140.000
		Hết ranh giới thôn 5	Ngã ba đi đập Ea Ruôi	100.000
		Ngã ba thôn Hàm Long	Giáp xã Ea Dah - Krông Năng	80.000
4	Khu dân cư thôn 3, 4, 5			60.000
5	Khu dân cư còn lại			50.000
X	Xã Ea Pal			
1	Đường liên xã Ea Knốp - Ea Pal	Ranh giới Ea Knốp - Ea Pal	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Thụng	500.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Thụng	Ngã tư 714	500.000
		Ngã tư 714	Hết ranh giới đất Trại sở Nông trường 714 cũ	500.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới đất Trụ sở Nông trường 714 cũ	Hết trường THCS Phan Chu Trinh	800.000
		Hết trường THCS Phan Chu Trinh	Nhà ông Hồ Sỹ Xoan	900.000
		Hết nhà ông Hồ Sỹ Xoan	Cầu Thống Nhất	700.000
		Cầu Thống Nhất	Ranh giới Ea Pal - Cư Yang	130.000
		Dường liên xã Ea Pal - Cư Yang	Ngã ba thôn 13	300.000
2	Dường liên xã Ea Tih - Ea Pal	Ngã ba thôn 13	Ngã ba Phước Thành	160.000
		Ngã ba Phước Thành	Ranh giới Ea tỳh - Ea Pal	150.000
3	Dường liên xã Ea Ô - Ea Pal	Ngã tư 714	Ranh giới đất ông Thiết	500.000
		Ranh giới đất ông Thiết	Ngã ba ông Sóc	150.000
				50.000
4	Khu dân cư còn lại			
XI	Xã Cư Yang			
		Ranh giới Ea Pal - Cư Yang	Cầu C13	160.000
		Cầu C13	Hết ranh giới đất Trăm Y tế xã Cư Yang	260.000
1	Dường liên xã Ea Pal - Cư Yang	Hết ranh giới đất Trăm Y tế xã Cư Yang	Hết đất hộ ông Võ Hoàng Lan	500.000
		Hết đất hộ ông Võ Hoàng Lan	Cầu thôn 6	600.000
		Cầu thôn 6	Cầu thôn 9	80.000
		Cầu thôn 9	Hết thôn 14	70.000
2	Khu dân cư trung tâm xã			70.000
3	Khu dân cư còn lại			50.000
XII	Xã Ea Sar			
		Cầu sông Krông Năng	Ngã ba đi thôn 10	330.000
1	Dường Tỉnh lộ 11	Ngã ba đi thôn 10	Hết ranh giới đất Trường La Văn cầu	200.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới đất Trường La Văn cầu	Hết ranh giới đất Trạm Y tế xã	400.000
		Ngã ba đường vào hồ Bằng Lăng	Ranh giới Ea Sô - Ea Sar	200.000
		Ranh giới Ea Sô - Ea Sar	Giáp ranh nhà ông Trúc	50.000
		Ranh giới thửa đất nhà ông Trúc	Hết ranh giới Ea Sar - Ea Đá	100.000
2	Khu dân cư còn lại			50.000
XIII	Xã Ea Sô			
		Đường đi thôn 6 ranh giới 2 xã Ea Sar, Ea Sô	Hết ranh giới đất nhà ông Bảy Lý	200.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Bảy Lý	Hết ranh giới đất nhà ông Hùng Thủy	250.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Hùng Thủy	Hết ranh giới đất nhà ông Nhân	200.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nhân	Đường vào nhà ông Tuấn Bích	250.000
		Đường vào nhà ông Tuấn Bích	Hết ranh giới đất Phân hiệu 1 Trường Huỳnh Thúc Kháng	200.000
		Hết ranh giới đất Phân hiệu 1 Trường Huỳnh Thúc Kháng	Đường vào nhà cũ ông Bảy Dung	250.000
		Đường vào nhà cũ ông Bảy Dung	Cầu sông Ea Dah	200.000
		Tỉnh lộ 11 (từ nhà ông Hoà)	Hết ranh giới đất bà Thiều	150.000
		Hết ranh giới đất bà Thiều	Hết ranh giới đất ông Dờn	150.000
		Hết ranh giới đất ông Dờn	Giáp xã Ea Sar	60.000
3	Khu dân cư còn lại			50.000
XIV	Xã Cư Bông			
		Cầu qua sông Krông Pắc	Ngã ba nhà ông Hoàn	110.000
		Ngã ba nhà ông Hoàn	Hết ranh giới đất Dài tướng niệm	130.000
		Hết ranh giới đất Dài tướng niệm	Hết rang giới đất trường THCS Phan Đăng Lưu	100.000
1	Đường Cư Yang đi buôn Trung			

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOÀN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới đất Đại tướng niệm	Giáp buôn Trung	60.000
2	Đường liên thôn	Ngã ba nhà ông Hoàn	Hết ranh giới đất Trường tiểu học Lý Thường Kiệt	110.000
		Hết ranh giới đất Trường tiểu học Lý Thường Kiệt	Ranh giới thửa đất nhà ông Phan Thanh Tính	70.000
3	Khu dân cư còn lại			50.000
XVI	Xã Cư Prông			
1	Đường liên xã Ea Tih - Cư Prông	Giáp xã Ea Tih	Ngã ba Phước Thành	150.000
		Ngã ba Phước Thành	Cầu 13 tấn	130.000
		Cầu 13 tấn	Hết ranh giới đất Trại Y tế	200.000
		Hết ranh giới đất Trại Y Tế	Hết thôn 15	220.000
		Hết thôn 15	Cầu thôn 10	130.000
2	Đường liên xã Ea Pal - Cư Prông	Giáp xã Ea Pal	Cầu mới	60.000
		Cầu mới	Giáp đường liên xã Cư Prông	90.000
3	Đường thôn 6/A đi thôn Hạ Long	Nhà ông Tầm	Ngã ba đi thôn 10	90.000
4	Khu dân cư còn lại			50.000
XVII	Xã Cư Elang			
1	Đường liên xã Ea ô - Cư Elang	Giáp xã Ea Ô	Ngã ba nhà ông Cảnh	70.000
		Ngã ba nhà ông Cảnh	Cầu buôn Ea Rót	130.000
		Cầu buôn Ea Rót	Nhà ông Yên	70.000
		Nhà ông Yên	Ngã ba nhà ông Võ	90.000
		Ngã ba nhà ông Võ	Cầu cháy	80.000
		Cầu cháy	Đến Trại Kiểm lâm thôn 6c	70.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG			Mức giá (đồng/m2)
		Từ		Đến	
			Trạm Kiểm lâm thôn 6c	Đến Trạm Kiểm lâm cũ	60.000
			Trạm Kiểm lâm cũ	Thôn 6A - xã Ea Ô	60.000
2	Đường liên thôn (Thôn 1 đến thôn 6c)		Ngã ba cây chay	Ngã ba nhà ông Võ	70.000
3	Khu dân cư còn lại				50.000

BẢNG SỐ 14: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG ANA NĂM 2014

Kèm theo Quyết định số: **LP/2013/QĐ-UBND**, ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
1	Thị trấn Buôn Tráp			
1	Bà Triệu	Nơ Trang Gùh	Hoàng Văn Thụ	5.000.000
2	Lý Thường Kiệt	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	3.000.000
		Hoàng Văn Thụ	Nơ Trang Long	600.000
		Nơ Trang Long	Nguyễn Thái Học	400.000
3	Hùng Vương	Bà Triệu	Lê Lợi, Lý Thường Kiệt	4.000.000
		Lê Lợi, Lý Thường Kiệt	Y Jút	2.400.000
		Y Jút	Nguyễn Chí Thanh	2.000.000
4	Nơ Trang Gùh	Bà Triệu	Cao Thắng	3.500.000
		Cao Thắng	Y Bih Aléo	1.200.000
		Y Bih Aléo	Nguyễn Bình Khiêm	1.000.000
		Nguyễn Bình Khiêm	Bờ sông Krông Ana	500.000
5	Mai Hắc Đế	Nơ Trang Gùh	Hoàng Văn Thụ	2.500.000
6	Cao Thắng	Nơ Trang Gùh	Nơ Trang Long	300.000
7	Nguyễn Tấn Thành	Hùng Vương	Chu Văn An	3.500.000
8	Nguyễn Tấn Thành (nối dài)	Chu Văn An	Cầu Bệnh viện	2.500.000
		Cầu Bệnh viện	Đầu đèo Cư Mbao	250.000
		Nguyễn Tấn Thành	Nguyễn Chí Thanh	2.500.000
9	Chu Văn An nối dài	Nguyễn Chí Thanh	Giáp Hồ Sen	700.000
		Hùng Vương	Chu Văn An	1.800.000
		Chu Văn An	Nguyễn Đình Chiểu	700.000
10	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Đình Chiểu	Đường vào nghĩa địa phường 7	300.000
11	Nguyễn Du	Chu Văn An	Lê Duẩn	2.000.000
		Lê Duẩn	Tôn Thất Tùng	1.500.000
		Tôn Thất Tùng	Hết Nhà trẻ Đội 3 Nông trường 1	600.000

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Hết Nhà trẻ Đội 3 Nông trường 1	Ngã ba buôn ÊCăm	360.000
12	Lê Duẩn	Nguyễn Tất Thành	Giáp Trung tâm GDTX huyện	1.200.000
13	Hẻm 1, 2 đường Lê Duẩn	Dầu đường Lê Duẩn	Đường đi vào Trung tâm dây nghề	600.000
		Đường đi vào Trung tâm dây nghề	Giáp tương rào Bệnh Viện huyện	400.000
		Lê Duẩn	Đường số 11	900.000
		Đường số 5	Đường số 11	850.000
14	Đường số 6	Đường số 10	Đường số 11	800.000
		Đường số 7	Đường số 11	750.000
		Đường số 8	Đường số 11	700.000
15	Lê Thánh Tông	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	600.000
16	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	600.000
17	Nguyễn Huệ	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	600.000
18	Nguyễn Trãi	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Chí Thanh	600.000
19	Lê Lợi	Hùng Vương	Chu Văn An	600.000
20	Trần Phú	Hùng Vương	Chu Văn An	600.000
21	Lê Hồng Phong	Hùng Vương	Nguyễn Trung Trực	600.000
22	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	Lê Duẩn	600.000
23	Y Jút	Hùng Vương	Chu Văn An	600.000
24	Phan Đình Giót	Lê Thánh Tông	Chu Văn An	600.000
25	Ngô Quyền	Hùng Vương	Chu Văn An	600.000
		Chu Văn An	Hết đường Ngô Quyền	400.000
26	Đường số 9	Đường số 7	Đường Ngô Quyền	700.000
27	Đường số 10, 11	Đường Nguyễn Du	Đường số 4	900.000
		Đường số 4	Đường số 5	850.000
		Đường số 5	Đường số 6	800.000
		Đường số 6	Đường số 7	750.000
		Đường số 7	Đường Ngô Quyền	700.000
28	Đường số 9, 10, 11	Nguyễn Du	Hết đường	900.000

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
29	Hai Bà Trưng	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Chánh	400.000
30	Võ Thị Sáu	Nguyễn Chánh	Hẻm Hai Bà Trưng (Chùa Thiện Đức)	300.000
31	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	500.000
32	Tôn Thất Tùng	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	500.000
33	Nguyễn Chánh	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Du	600.000
34	Phạm Sĩ	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	600.000
35	Y Ngông	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	600.000
36	Phan Đăng Lưu	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	600.000
37	Hẻm Võ Thị Sáu	Nơ Trang Gùh	Hai Bà Trưng	500.000
38	Nguyễn Trung Trực	Võ Thị Sáu	Nguyễn Thị Minh Khai	350.000
39	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Du	Trần Hưng Đạo	500.000
40	Lê Quý Đôn	Ngô Quyền	Lê Quý Đôn	350.000
		Ngô Quyền	Đầu ranh giới thôn 2	400.000
41	Hoàng Văn Thụ	Hoàng Diệu	Lý Thường Kiệt	500.000
		Lý Thường Kiệt	Mai Hắc Đế	2.200.000
42	Nơ Trang Long	Mai Hắc Đế	Cao Thắng	800.000
43	Huỳnh Thúc Kháng	Cao Thắng	Nguyễn Khuyến	500.000
44	Nguyễn Hữu Thọ	Hùng Vương	Nơ Trang Long	600.000
45	Phạm Ngũ Lão	Hùng Vương	Phạm Ngũ Lão	600.000
46	Nguyễn Khuyến	Hùng Vương	Hoàng Diệu	600.000
47	Hẻm của đường Mai Hắc Đế	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Thái Học	500.000
48	Hẻm của đường Nguyễn Chí Thanh	Từ đầu đường Mai Hắc Đế	Hết nhà ông Trần Đình Thanh	500.000
		Từ đầu đường Nguyễn Chí Thanh	Hết nhà ông Kar Sơ Vinh	400.000
49	Tỉnh lộ 2	Giáp xã Ea Bông	Hết chợ Quỳnh Tân	700.000
		Hết chợ Quỳnh Tân	Nguyễn Chí Thanh	1.200.000
50	Đường giao thông liên xã (Tỉnh lộ 10A)	Tỉnh lộ 2	Hết nhà văn hoá thôn Quỳnh Tân 3	600.000
		Hết nhà văn hoá thôn Quỳnh Tân 3	Ranh giới xã Băng Adrênh	450.000
51	Nhánh Tỉnh lộ 10A có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (Khoảng cách từ tỉnh lộ 10A đi vào 150 m)			240.000

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
52	Các đường giao với Tỉnh lộ 2, nhánh Tỉnh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (trừ các đường đã có nêu trên)			350.000
53	Các đường giao với Nơ Trang Gưh, có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (trừ các đường đã có nêu trên)			250.000
54	Hẻm Bà Triệu - Mai Hắc Đế	Bà Triệu	Mai Hắc Đế	1.500.000
55	Hoàng Diệu	Hùng Vương	Phạm Ngũ Lão	400.000
56	Nguyễn Thái Học	Nguyễn Khuyển	Bùi Thị Xuân	300.000
57	Bùi Thị Xuân	Nơ Trang Long	Nơ Trang Long	300.000
58	Phạm Hồng Thái	Nơ Trang Gưh	Hai Bà Trưng	300.000
59	Hẻm 1, 2 Hùng Vương	Hùng Vương	Hoàng Văn Thụ	350.000
60	Khu vực còn lại			175.000
II Xã Dr'ây Sáp				
1	Tỉnh lộ 2	Giáp thành phố Buôn Ma Thuột	Giáp xã Ea Na	500.000
2	Đường đi buôn Kuốp 2	Ngã ba giáp Trụ sở thôn Dr'ây Sáp	Ngã ba An Na	270.000
3	Đường liên xã	Ngã ba thôn An Na	Giáp xã Ea Na	220.000
4	Đường thôn Đồng Tâm	Giáp Trụ sở thôn Dr'ây Sáp	Giáp xã Hoà Phú (Buôn Ma Thuột)	220.000
5	Khu vực chợ Dr'ây Sáp	Giáp Trụ sở thôn Dr'ây Sáp	Tỉnh lộ 2 mới (thường đi Buôn Trấp)	800.000
6	Khu dân cư còn lại của các Thôn: An Na, Đồng Tâm, Dr'ây Sáp			120.000
7	Khu dân cư còn lại			80.000
III Xã Ea Na				
1	Tỉnh lộ 2	Đèo Ea Na (giáp xã Dr'ây Sáp)	Cổng thoát nước trước nhà ông Y Dung	660.000
		Cổng thoát nước trước nhà ông Y Dung	Ngã ba đường vào Hội trường thôn Tân Lập	1.100.000
		Ngã ba đường vào Hội trường thôn Tân Lập	Ngã ba Nhà thờ Quỳnh Ngọc	1.600.000
		Ngã ba Nhà thờ Quỳnh Ngọc	Bưu điện buôn Tor	2.000.000
		Bưu điện buôn Tor	Ngã ba (lên đèo 556)	1.100.000
		Ngã ba (lên đèo 556)	Giáp xã Ea Bong	850.000
2	Đường liên xã	Tỉnh lộ 2	Giáp xã Dr'ây Sáp	300.000
3	Đường liên thôn	Ngã ba Ea Tung (Đài tưởng niệm)	Hội trường thôn Tân Thắng	350.000
		Hội trường thôn Tân Thắng	Ngã ba đường vào buôn Draí	200.000
		Ngã ba Tỉnh lộ 2 (chợ Quỳnh Ngọc)	Hết thôn Quỳnh Ngọc	300.000

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
4	Đường liên thôn	Hết thôn Quỳnh Ngọc	Hết Trụ sở thôn Quỳnh Ngọc 1	220.000
		Hết Trụ sở thôn Quỳnh Ngọc 1	Giáp bờ sông Krông Ana	170.000
5	Các đường giao với Tỉnh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (trừ các đường đã nêu trên) từ Tỉnh lộ 2 vào 100 m			200.000
6	Khu dân cư còn lại			120.000
IV	Xã Ea Bông			
1	Tỉnh lộ 2	Giáp xã Ea Na	Buu điện Văn hoá xã Ea Bông	850.000
		Buu điện Văn hoá xã Ea Bông	Hết chợ Ea Bông	1.200.000
		Hết chợ Ea Bông	Hết ranh giới đất Trụ sở UBND xã Ea Bông	880.000
		Hết ranh giới đất Trụ sở UBND xã Ea Bông	Giáp thị trấn Buôn Tráp	650.000
2	Tỉnh lộ 10	Tỉnh lộ 2	Đầu buôn Riang	250.000
		Đầu buôn Riang	Đầu thôn 10/3	200.000
		Đầu thôn 10/3	giáp huyện Cư Kuin	230.000
3	Các đường giao với Tỉnh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m (trừ các đường đã nêu trên) từ Tỉnh Lộ 2 vào 100m			200.000
4	Khu dân cư còn lại các thôn, buôn: Hòa Tây, Hòa Trung, Hòa Đông, Ea Krúe, Mbiót, Nắc, Dhăm, H'Ma và Buôn Kô.			120.000
5	Khu dân cư còn lại thôn, buôn: Rieng, Knul và thôn 10/3			80.000
V	Xã Băng Adrênh			
1	Đường giao thông liên xã (Tỉnh lộ 10A)	Giáp thị trấn Buôn Tráp	Hết chợ trung tâm cụm xã	400.000
		Hết chợ trung tâm cụm xã	Ngã ba buôn K62	250.000
		Ngã ba buôn K62	Giáp ranh huyện Cư Kuin	200.000
2	Đường giao thông liên xã	Ngã ba Cây Hương	Giáp ranh xã Dư Kmal	250.000
3	Khu dân cư còn lại của thôn Ea Tun, Thôn Ea Brinh,			100.000
4	Khu dân cư còn lại			80.000
VI	Xã Dư Kmal			
1	Đường giao thông liên xã	Giáp ranh xã Băng Adrênh	Hết trụ sở UBND xã Dư Kmal	250.000
		Hết trụ sở UBND xã Dư Kmal	Trạm Y tế xã	200.000
		Trạm Y tế xã	Chân đèo Buôn Triết	100.000
2	Đường giao thông liên xã	Ngã ba buôn Dư	Giáp ranh xã Quảng Điền	200.000

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
3	Đường giao thông liên xã	Trạm Y tế xã	Giáp ranh xã Bãng Adrênh (ra Ngã 3 Kinh tế Dàng)	200.000
4	Khu dân cư còn lại			80.000
VII Xã Bình Hoà				
1	Tỉnh lộ 2	Cầu Bệnh viện (giáp thị trấn Buôn Trấp)	Hết ranh giới đất Phân hiệu 2 Mẫu giáo Sao Mai	380.000
		Hết ranh giới đất Phân hiệu 2 Mẫu giáo Sao Mai	Đường vào Chùa Thiện Minh	220.000
		Đường vào Chùa Thiện Minh	Giáp xã Quảng Điền	270.000
2	Đường vào Quảng Điền	Cầu Bệnh viện	Đèo Chư Bao (giáp xã Quảng Điền)	250.000
3	Các đường giao với Tỉnh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m, từ Tỉnh Lộ 2 vào 100m			120.000
4	Khu dân cư còn lại			80.000
VIII Xã Quảng Điền				
1	Tỉnh lộ 2	Giáp ranh xã Bình Hòa	Ngã 3 Cây Cóc	275.000
		Ngã 3 Cây Cóc	Hết Tỉnh Lộ 2	300.000
2	Đường giao thông liên xã	Chân đèo Cư Mbao	Sân bóng đá mini nhà ông Lang	200.000
		Sân bóng đá mini nhà ông Lang	Hết chợ Cây Cóc	250.000
3	Đường giao thông liên xã	Ngã ba Sơn Thọ (giáp đường đèo Chư Bao)	Giáp xã Dư Kmal	200.000
4	Đường liên Thôn 2	Tỉnh lộ 2	Hết đường nhựa Thôn 1	120.000
5	Đường liên Thôn 3	Tỉnh lộ 2	Cầu 1 (Thăng Bình 1)	120.000
6	Các đường giao với Tỉnh lộ 2 có chỉ giới quy hoạch lớn hơn 5m, từ Tỉnh Lộ 2 vào 100m (Trừ các đường đã có ở trên)			100.000
7	Khu dân cư còn lại			80.000

BẢNG SỐ 12: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LẮK NĂM 2014

Kèm theo Quyết định số: 44 /2013/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
1	Thị trấn Liên Sơn			
1	Nguyễn Tất Thành	Giáp xã Bông Krang	Nguyễn Đình Chiểu	900.000
		Nguyễn Đình Chiểu	Võ Thị Sáu	1.500.000
		Võ Thị Sáu	Nguyễn Trung Trực	2.000.000
		Nguyễn Trung Trực	Đến hết đường đôi	2.700.000
		Đến hết đường đôi	Lê Quý Đôn	1.700.000
2	Nơ Trang Long	Lê Quý Đôn	Giáp xã Đăk Liêng	1.300.000
		Đầu Nơ Trang Long	Cuối Nơ Trang Long	2.000.000
3	Ấu Cơ	Nơ Trang Long	Hết khu Nhà nghỉ du lịch	1.500.000
		Nguyễn Huệ	Y Ngông	800.000
4	Nguyễn Thị Minh Khai	Nơ Trang Long	Hùng Vương	1.000.000
5	Bùi Thị Xuân	Hùng Vương	Đến Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	800.000
6	Tô Hiệu	Nguyễn Tất Thành	Hồ Lắk	400.000
7	Phạm Ngọc Thạch	Nguyễn Tất Thành	Cổng chính Nghĩa địa	200.000
8	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Tất Thành	Cổng chính Trạm khí tượng thủy văn	500.000
		Đầu đập buôn Đông Kriêng	Đầu đập buôn Đông Kriêng	500.000
9	Chu Văn An		Đến hết đường	400.000
		Nơ Trang Gưh	Hết đường	250.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
10	Nơ Trang Gùh	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	600.000
11	Võ Thị Sáu	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	1.000.000
12	Nguyễn Du	Nguyễn Tất Thành	Nơ Trang Long	1.000.000
13	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Nơ Trang Long	1.000.000
14	Hồ Xuân Hương	Hồ Xuân Hương	Hết đường	400.000
15	Hùng Vương	Tôn Thất Tùng	Âu Cơ	1.000.000
16	Trần Phú	Tôn Thất Tùng	Nguyễn Thị Minh Khai	1.000.000
17	Y Ngông	Âu Cơ	Y Jút	700.000
18	Tôn Thất Tùng	Nơ Trang Long	Y Ngông	1.500.000
19	Nguyễn Văn Trỗi	Nơ Trang Long	Hùng Vương	1.000.000
20	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Tất Thành	Bà Triệu	800.000
21	Lạc Long Quân	Tôn Thất Tùng	Hai Bà Trưng	800.000
22	Lê Hồng Phong	Tôn Thất Tùng	Y Jút	800.000
23	Khu dân cư Hợp Thành	Giáp Chợ thị trấn Liên sơn	Hết vườn nhà cô Xuyên	400.000
24	Đường liên cư thuộc khu dân cư Hợp Thành (sau Trường Nguyễn Trãi)			400.000
25	Y Jút	Nguyễn Tất Thành	Hết buôn Jun	1.000.000
26	Lê Quý Đôn	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Trãi	250.000
27	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Tất Thành	Hết vườn nhà ông Hề	600.000
		Hết vườn nhà ông Hề	Giáp buôn Yukla, Đak Leng	450.000
28	Lê Lai	Nguyễn Tất Thành	Lý Thường Kiệt	1.500.000
29	Trần Bình Trọng	Lý Thường Kiệt	Đỉnh Tiên Hoàng	500.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
30	Đình Tiên Hoàng	Lý Thường Kiệt	Giáp đường lên nghĩa tràng liệt sỹ	500.000
31	Điện Biên Phủ	Đường lên nghĩa trang liệt sỹ	Hết đường	200.000
32	Đình Núp (đường đi buôn Mliêng)	Lý Thường Kiệt	Giáp xã Đăk liêng	300.000
33	Bà Triệu	Nguyễn Tắt Thành	Cánh đồng buôn Mliêng (đập tràn qua đường)	500.000
34	Ngô Quyền	Nguyễn Tắt Thành (đối diện nhà VH TT)	Hết khu dân cư	600.000
35	Hai Bà Trưng	Nguyễn Tắt Thành	Giao nhau với đường Y Ngông	500.000
36	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Tắt Thành	Giao nhau với đường Lê Hồng Phong	800.000
37	Lương Thế Vinh	Nguyễn Tắt Thành (cổng thôn Văn hóa)	Vào khu dân cư thôn Hòa Thắng	400.000
38	Đường 17/3	Nguyễn Tắt Thành	Giao nhau với đường Nguyễn Đình Chiểu	300.000
39	Các đường còn lại	Nguyễn Tắt Thành	Lý Thường Kiệt	1.000.000
40	Đường mới cạnh điện lực	Đường có chiều rộng >=3,5m		150.000
41	Khu dân cư còn lại			800.000
41				100.000
II	Xã Giang Tao			
1	Quốc lộ 27	Giáp Krông Bông	Chân đèo xã Giang Tao (km 36+400)	150.000
2	Đường đi buôn Rung	Chân đèo xã Giang Tao (km 36+400)	Ngã ba đường đi buôn Dơng Guôl	300.000
3	Đường đi buôn Năm Pă	Ngã ba đường đi buôn Dơng Guôl	Giáp xã Bông Krang	600.000
4	Đường đi lò gạch	Ngã ba Quốc lộ 27	Hết buôn Drung	200.000
		Ngã ba Quốc lộ 27	Hết buôn Năm Pă	150.000
		Ngã ba buôn Yok Đôn	Hết khu lò gạch	100.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
5	Đường đi buôn Yok Đôn (sau UB)	Ngã ba Quốc lộ 27	Đến Trạm Bom	100.000
6	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m		80.000
7	Khu dân cư còn lại			60.000
III	Xã Bông Krang			-
1	Quốc lộ 27	Đầu cầu Đăk Pok (giáp Giang Tao)	Cổng bản Bông Krang	300.000
		Từ cổng bản Bông Krang	Hết khu dân cư thôn Sân Bay	700.000
		Hết khu dân cư thôn Sân Bay	Cổng bản (đầu buôn Mạ)	250.000
		Cổng bản (đầu buôn Mạ)	Giáp thị trấn Liên Sơn	450.000
2	Đường đi buôn Da Ju, Hăng Ja	Ngã ba Trạm bom buôn Mạ	Ngã ba buôn Đăk Ju	150.000
		Ngã ba buôn Da Ju	Hết buôn Hăng Ja	120.000
3	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m		120.000
4	Khu dân cư còn lại			60.000
IV	Xã Đăk Liêng			
1	Quốc lộ 27	Giáp thị trấn Liên Sơn	Km 48	1.200.000
		Km 48	Ngã ba buôn Dren A	700.000
		Ngã ba buôn Dren A	Km 50	800.000
		Km 50	Giáp xã Đăk Nuê	400.000
2	Tỉnh lộ 687	Ngã ba Quốc lộ 27	+200m (Tỉnh lộ 687)	1.000.000
		+200m (Tỉnh lộ 687)	Cổng buôn Juk	900.000
		Cổng buôn Juk	Đầu cầu Quảng Trạch	500.000
		Đầu cầu Quảng Trạch	Hết ranh giới đất nhà ông Vượt	600.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới đất nhà ông Vuợt	Giáp xã Buôn Tría	250.000
3	Đường đi buôn Juk La	Giáp thôn Đoàn Kết Liên Sơn	Cổng Yuk La 1	450.000
		Cổng Yuk La 1	Hết ranh giới đất nhà ông Y Lich Kuan	100.000
4	Đường đi buôn Dren A	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba buôn Dren A	120.000
5	Đường đi buôn Yang Lá	Quốc lộ 27 (Nhà ông Thành Liên)	Đến đập thủy lợi buôn Yang Lá 1	120.000
6	Đường đi thôn Lâm Trường	Ngã tư buôn Yuk	Quốc lộ 27 (Thôn Lâm trường)	150.000
7	Đường đi xã Đăk Phơi	Ngã ba Quốc lộ 27	Giáp xã Đăk Phơi	200.000
6	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$		100.000
	Khu dân cư còn lại			60.000
V	Xã Buôn Tría			
1	Tỉnh lộ 687	Giáp xã Đăk Liêng	Hết ranh giới đất nhà ông Nung (Liên kết 1)	200.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nung (Liên kết 1)	Giáp Buôn Triết	300.000
2	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$		100.000
		Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$ (đã bê tông hóa)		120.000
3	Khu dân cư còn lại			50.000
VI	Xã Buôn Triết			
		Giáp xã Buôn Tría	Hết ranh giới đất nhà ông Thứ - thôn Đoàn kết 1	250.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Thứ - thôn Đoàn Kết 1	Hết ranh giới đất nhà ông Hoè - Đoàn Kết 1	300.000
1	Tỉnh lộ 687	Hết ranh giới đất nhà ông Hòe- Đoàn Kết 1	Ngã ba đường đi buôn Ung Rung	350.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Ngã ba đường đi buôn Ung Rung	Ngã ba thôn Đồng Tâm	200.000
		Ngã ba thôn Đồng Tâm	Chân đập buôn Triết	150.000
2	Đường đi Mê Linh, Bến dò	Ngã ba Tỉnh lộ 687	Công bà Đắc	350.000
		Công bà Đắc	Hết Mê Linh 2	300.000
		Hết Mê Linh 2	Hết ranh giới đất nhà ông Võ - Mê Linh 1	200.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Võ - Mê Linh 1	Bến dò	150.000
3	Đường thôn Đoàn Kết 1	Tỉnh lộ 687	Xóm Đoàn Kết 1	150.000
4	Đường thôn Đoàn Kết 2	Tỉnh lộ 687	Hết ranh giới đất nhà bà Hương	150.000
5	Đường thôn Mê Linh 2	Công chính Trường Nguyễn Bình Khiêm	Hết ranh giới đất nhà ông Diên - Mê linh 1	80.000
6	Đường đi buôn Tung 3	Từ ngã ba đi bến dò	Buôn Tung 3	60.000
7	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m		60.000
8	Khu dân cư còn lại			50.000
VII Xã Đăk Phoi				
1	Đường đi Đăk Phoi	Giáp xã Đăk liêng	Ngã ba buôn Chiêng Cao	200.000
		Ngã ba buôn Chiêng Cao	Hết thôn Cao Bằng	450.000
2	Đường đi buôn Năm, buôn Dung, buôn Tơ Lông	Hết thôn Cao Bằng	Hết buôn Năm, buôn Dung, buôn Tơ Lông	150.000
3	Đường đi buôn Du Mah	Ngã ba Dài tương niệm	Hết buôn Jiê Juk	400.000
		Hết buôn Jiê Juk	Hết buôn Du Mah	150.000
4	Đường đi buôn Chiêng Cao	Ngã ba đường trục chính	Hết buôn Chiêng Cao	130.000
5	Đường đi xã Đăk Nuê	Ngã ba đường trục chính	Giáp xã Đăk Nuê	130.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
6	Đường buôn T'long đi thôn Cao Bằng	Cuối buôn T'long	Hết thôn Cao Bằng	130.000
7	Đường Đắk Liêng đi Đắk Phơi	Giáp Yut La- xã Đắk Liêng	Ngã ba Đắk Hoa	130.000
8	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m		80.000
9	Khu dân cư còn lại			60.000
VIII	Xã Đắk Nuê			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Đắk Liêng	Đến km 52	500.000
		Từ km 52	Đến km 53	600.000
		Từ km 53	Đến km 55 (đầu cầu buôn Mih)	500.000
		Đến km 55 (đầu cầu buôn Mih)	Hết buôn Kdiê	200.000
		Hết buôn Kdiê	Giáp xã Nam Ka	150.000
2	Đường đi thôn Yên Thành 1	Ngã ba Quốc lộ 27	Đầu cầu Yên Thành 1	80.000
		Đầu cầu Yên Thành 1	Hết Yên Thành 1	60.000
3	Đường đi thôn Yên Thành 2	Ngã ba Quốc lộ 27	Đầu cầu Yên Thành 2	80.000
		Đầu cầu Yên Thành 2	Hết Yên Thành 2	60.000
4	Đường đi buôn Triết, buôn Mih	Quốc lộ 27	Hết Buôn Mih	80.000
5	Đường vào buôn Đắk Sar	Ngã ba Quốc lộ 27 (Nhà ông Đức)	Hết Buôn Đắk Sar	60.000
6	Đường Liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27 (Nhà ông Dũng Chi)	Hết Trường Nguyễn Du	150.000
		Ngã ba Quốc lộ 27 (cổng chào)	Hết Trường Nguyễn Du	200.000
		Hết Trường Nguyễn Du	Giáp xã Đắk Phơi	150.000
7	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m		100.000
8	Khu dân cư còn lại			60.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
IX	Xã Krông Nô			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Nam Ka	Suối Đăk Diêng Sâu	100.000
		Suối Đăk Diêng Sâu	Hết Công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên	400.000
		Hết Công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên	Dầu cầu Krông Nô	1.400.000
		Ngã ba Quốc lộ 27	Cổng bản buôn Phi Dìh Ja	400.000
2	Đường đi buôn Trang Yuk	Cổng bản buôn Phi Dìh Ja	Cầu Đăk Mei	200.000
3	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$		90.000
4	Khu dân cư còn lại			50.000
X	Xã Ea Rbin			-
1	Đường đi buôn Plao Siêng	Ngã tư nhà A Ma Tuyết (Trụ sở UBND xã)	Cầu Gãy (hết buôn Plao Siêng)	100.000
2	Đường TL mới mở	Giáp xã Nam Ka	Cuối suối Êa Rìng	80.000
		Cuối suối Êa Rìng	Hết ranh giới đất nhà Ma Lét	150.000
3	Đường đi buôn Lách Ló	Ngã ba buôn Lan Thái	Hết buôn Sa Puôk	100.000
4	Khu dân cư còn lại			50.000
XI	Xã Nam Ka			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Đăk Nuê	Giáp xã Krông Nô	150.000
2	Đường vào xã Nam Ka	Quốc lộ 27	Đèo Năm Ka	150.000
3	Đường liên thôn	Đèo Nam Ka	Bến dò	200.000
		Ngã ba trạm Y tế xã Nam Ka	Dầu cầu Tua Srah	250.000
		Ngã ba buôn Tua Srah	Dập thủy lợi buôn Pluk	90.000
		Nhà văn hoá buôn TuaSia	Chân đồi Cư Krung	100.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
4	Đường liên xã	Ngã ba trạm Y tế xã Nam Ka Suối Đăk Rmong	Suối Đăk Rmong Giáp xã Ea Rbin	100.000 90.000
5	Các đường còn lại	Đường có chiều rộng >=3,5m		80.000
6	Khu dân cư còn lại			50.000

BẢNG SỐ 15: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ KUIN

Kèm theo Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
I	Xã Ea Tiêu			
1	Quốc lộ 27	Cầu buôn K'ram (giáp TP. Buôn Ma Thuột)	Ngã ba đường vào UBND xã	1.000.000
		Ngã ba đường vào UBND xã	Đầu thôn 8	1.500.000
		Đầu thôn 8	Hết cửa hàng phân bón Thanh Bình	2.000.000
		Hết cửa hàng phân bón Thanh Bình	Ngã tư đối diện quán Cà phê Mimosa	2.500.000
		Ngã tư đối diện quán Cà phê Mimosa	Ngã ba đường vào thôn 2 (cách đường vào Giáo xứ Vinh Hòa 480m)	2.000.000
		Ngã ba đường vào thôn 2 (cách đường vào Giáo xứ Vinh Hòa 480m)	Cổng chào thôn 2	1.500.000
		Cổng chào thôn 2	Cổng đối diện cổng chào thôn 8 (xã Ea Bhók)	1.000.000
2	Khu vực chợ Trung Hòa	Cổng đối diện cổng chào thôn 8 (xã Ea Bhók)	Trường tiểu học Kim Đồng	2.000.000
		Trường tiểu học Kim Đồng	Giáp xã Dray Bhang	1.000.000
3	Đường liên thôn	Các đường bên trong và giáp chợ Trung Hòa		2.500.000
		Ngã ba Quốc lộ 27 (chợ buôn Kram)	Ngã ba đường liên thôn (cách Quốc lộ 27 - 300m)	700.000
		Ngã ba đường liên thôn (cách Quốc lộ 27 - 300m)	Kênh thủy lợi (cổng chào thôn 7)	500.000
		Kênh thủy lợi (cổng chào thôn 7)	Hết thôn 6	400.000
		Hết thôn 6	Ngã ba buôn Tiêu	300.000
4	Đường dọc kênh thủy lợi	Cách ngã tư Quốc lộ 27 - 300m	Cổng chào thôn 7	150.000
		Ngã ba Quốc lộ 27	Cổng chào buôn Kram	600.000
		Cổng chào buôn K'ram	Ngã ba đường vào bãi bán	500.000
		Ngã ba đường vào bãi bán	Ngã ba buôn Tiêu	300.000
		Ngã ba buôn Tiêu	Hồ cạnh Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tiêu	200.000
5	Đường liên xã	Hồ cạnh Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tiêu	Cổng chào thôn 11	150.000
		Cổng chào thôn 11	Ngã ba đường đi xã Ea Kao - TP. Buôn Ma Thuột	100.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã tư đường vào Trung tâm GDTX	1.500.000
		Ngã tư đường vào Trung tâm GDTX	Đầu buôn Ciết	700.000
		Đầu buôn Ciết	Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 390m)	500.000
		Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 390m)	Cụm công nghiệp Cư Kuin (hết buôn Ciết)	250.000
		Ngã tư đầu đường nhựa buôn Ciết	Hết đường nhựa	300.000
7	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			300.000
8	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, buôn Ciết, buôn Kram và buôn Luk	120.000	
		Các thôn, buôn còn lại	60.000	
II Xã Ea Ktur				
1	Quốc lộ 27	Cầu buôn K'ram (giáp TP. Buôn Ma Thuột)	Ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Sim	1.000.000
		Ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Sim	Ngã ba đường vào thôn 1 (giáp nhà số 3, thôn 1, xã Ea Ktur)	1.500.000
		Ngã ba đường vào thôn 1 (giáp nhà số 3, thôn 1, xã Ea Ktur)	Ngã ba đường vào thôn 1 (giáp cửa hàng Tổng công ty Viễn thông quân đội - Viettel)	2.000.000
		Ngã ba đường vào thôn 1 (giáp cửa hàng Tổng công ty Viễn thông quân đội - Viettel)	Ngã tư đường vào thôn 2 (giáp quán Mimosa)	2.500.000
		Ngã tư đường vào thôn 2 (giáp quán Mimosa)	Ngã ba đường vào thôn 2 (đường vào quán Đồng Quê)	2.000.000
		Ngã ba đường vào thôn 2 (đường vào quán Đồng Quê)	Ngã ba cuối thôn 2, đầu thôn 5	1.500.000
		Ngã ba cuối thôn 2, đầu thôn 5	Giáp xã Ea Bhók	1.000.000
		Ngã ba Quốc lộ 27	Hết khu dân cư thôn 10 (cách Quốc lộ 27 - 450m)	800.000
		Hết khu dân cư thôn 10 (cách Quốc lộ 27 - 450m)	Đập Ea Sim	500.000
		Đập Ea Sim	Cổng chào thôn 15	300.000
2	Đường liên xã	Cổng chào thôn 15	Đập Việt Đức 4 (giáp xã Ea Ning)	500.000
		Ngã ba buôn Plei Năm	Cuối khu dân cư Plei Năm (dài khoảng 1.300m)	500.000
		Cuối khu dân cư Plei Năm (dài khoảng 1.300m)	Giáp xã Hòa Đông	450.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
3	Đường liên thôn	Ngã ba Quốc lộ 27	Cổng Giáo xứ Vinh Hòa	2.000.000
4	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			
5	Khu dân cư	Thuộc các thôn: 1, 2, 3, 4		300.000
		Thuộc các thôn: 5, 7, 8, 10		200.000
		Các thôn, buôn còn lại		120.000
III	Xã Ea Bhốk			60.000
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Ea Ktur	Cổng chào thôn 8	1.000.000
		Cổng chào thôn 8	Ngã ba đối diện Trường tiểu học Kim Đồng	1.500.000
		Ngã ba đối diện Trường tiểu học Kim Đồng	Ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	1.000.000
		Ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	Giáp xã Dray Bhang	1.500.000
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba đường trục chính thôn 4	800.000
		Ngã ba đường trục chính thôn 4	Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	700.000
		Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	Cầu giáp xã Ea Ning	600.000
		Ngã ba đường đi buôn Puk Prong	Hết buôn Bhốk - thôn 2	600.000
3	Đường liên xã	Hết buôn Bhốk - thôn 2	Cầu trắng	500.000
		Ngã tư Quốc lộ 27	Ngã ba đường vào Trường THCS Ea BHốk	700.000
		Ngã ba đường vào Trường THCS Ea BHốk	Ngã ba buôn Ea Khít	500.000
4	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27	Ngã ba buôn Ea Khít	Giáp xã Ea Hu	300.000
4	Đường trục chính thôn 4	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba đường vào Trường THCS Ea BHốk	300.000
5	Đường trục chính thôn 4	Ngã ba Quốc lộ 27	Ngã ba đường liên xã	500.000
6	Khu dân cư	Thuộc thôn 4		200.000
		Thuộc các thôn: 1, 8; buôn Ea Mta và buôn Ea Kmar		120.000
		Các thôn, buôn còn lại		60.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
IV	Xã Dray Bhăng			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Ea Tiêu	Đổi diện ngã ba Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	1.000.000
			Giáp xã Hòa Hiệp	1.500.000
		Ngã tư Quốc lộ 27	Dầu thôn Lô 13	800.000
		Dầu thôn Lô 13	Hết thôn Lô 13	600.000
2	Tỉnh lộ 10	Hết thôn Lô 13	Giáp huyện Krông Ana	350.000
3	Khu TT đô thị - Cơ quan hành chính huyện Cư Kuin	Các trục số 2, 3		1.250.000
		Các trục số 5, 6, 7; trục nội bộ (23m)		1.150.000
		Các trục nội bộ còn lại		1.000.000
			Đường song song Tỉnh lộ 10 (thuộc thôn lô 13)	300.000
4	Đường liên thôn			
5	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27 (giáp chợ Hòa Hiệp)	Đường liên thôn tuyến 2 song song Quốc lộ 27	2.000.000
6	Đường liên xã	Hết thôn Mới xã Hòa Hiệp	Hết buôn Hra Ea Ning	120.000
7	Các đường thuộc khu dân cư trong phạm vi bán kính 300m tính từ mốc lộ giới đường Quốc lộ 27			300.000
8	Khu dân cư	Thuộc thôn Kim Châu		200.000
		Thuộc thôn Nam Hòa và thôn Lô 13		150.000
		Các thôn, buôn còn lại		60.000
V	Xã Hòa Hiệp			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Dray Bhăng	Ngã ba đường vào thôn Mới và nhà thờ Kim Phát	1.500.000
		Ngã ba đường vào thôn Mới và nhà thờ Kim Phát	Hết thôn Thành Công	500.000
		Hết thôn Thành Công	Đến cầu Giang Sơn giáp huyện Krông Bông	300.000
		Ngã ba Quốc lộ 27	Hết thôn Mới	400.000
2	Đường liên xã	Ngã ba Quốc lộ 27 (giáp chợ Hòa Hiệp)	Đường liên thôn tuyến 2 song song Quốc lộ 27	2.000.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
3	Các đường tuyến 2, tuyến 3 song song Quốc lộ 27, các đường nhánh từ Quốc lộ 27 đến hết đường tuyến 3 (thuộc thôn Kim Phát) Trừ khu vực chợ Hòa Hiệp	Giáp xã Dray Bhang	Hết nhà thờ Kim Phát	300.000
		Hết nhà thờ Kim Phát Quốc lộ 27		300.000
4	Chợ Hòa Hiệp	Các Kiốt trong chợ		2.000.000
5	Đường tuyến 2 song song Quốc lộ 27 (Khu vực chợ Hòa Hiệp)	Từ nhà ông Hà Đức Minh (thửa đất số 3468, tờ bản đồ 22)	Giáp xã Dray Bhang	2.000.000
6	Đường nội thôn (thuộc thôn Mới)	Ngã ba đường liên xã Hoà Hiệp, Dray Bhang (Cách Quốc lộ 27 - 635m)	Giáp xã Dray Bhang	200.000
7	Khu dân cư	Thuộc phần còn lại của thôn Kim Phát		200.000
		Thuộc thôn Thành Công và thôn Mới		120.000
		Các thôn, buôn còn lại		60.000
VI	Xã Ea Ning			
I	Đường liên xã	Đập Việt Đức 4	Hết Công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'нин	2.000.000
		Hết Công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'нин	Ngã tư sân bóng	700.000
		Ngã tư sân bóng	Hết đoạn đường thẳng (dài khoảng 360m)	400.000
		Hết đoạn đường thẳng	Giáp xã Cư Êwi	250.000
		Ngã ba chợ Việt Đức 4	Ngã ba cây xăng Đức Hội	2.000.000
		Ngã ba cây xăng Đức Hội	Ngã tư sân bóng	500.000
		Ngã ba cây xăng Đức Hội	Ngã ba công chào buôn Puk Prong	700.000
		Ngã ba công chào buôn Puk Prong	Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Bắc)	450.000
		Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Bắc)	Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Nam)	550.000
		Cách ngã ba sân bóng thôn 23 khoảng 430m (phía Nam)	Giáp xã Ea Bhook	450.000
		Ngã ba công chào buôn Puk Prong	Ngã ba đường vào thôn 9 xã Ea Ning	400.000
		Ngã ba đường vào thôn 9 xã Ea Ning	Hết tường rào Công ty TNHH MTV Cà phê Chư Quỳnh	600.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Hết tường rào Công ty TNHH MTV Cà phê Chư Quyन्ह	Đường liên xã (gồm cả hai nhánh đường)	400.000
2	Đường liên xã	Cầu trắng Cổng chào thôn 6 Hết đoạn đường nhựa chợ An Bình	Cổng chào thôn 6 Hết đoạn đường nhựa chợ An Bình Giáp xã Cư Êwi	400.000 500.000 400.000
3	Khu dân cư	Thuộc thôn 8, 15, 21 và 22 Các thôn, buôn còn lại		120.000 60.000
VII Xã Cư Êwi				
1	Đường liên xã	Cầu chăn nuôi	Giáp xã Ea Ning	400.000
	Đường liên thôn	Từ cổng chào thôn 12	Cổng chào buôn Tách M'Ngả	100.000
	Đường nội thôn 12 tuyến 1	Ngã tư đường liên thôn	Hết thôn 12	100.000
	Đường nội thôn 12 tuyến 2	Ngã tư đường liên thôn	Đập 45 xã Ea Ning	100.000
	Đường nội thôn 1C	Ngã ba đường liên xã	Đập Tawk Mnga	100.000
	Đường nội thôn 1A	Ngã ba đường liên xã	Hết khu dân cư thôn 1A (thường đi Nghĩa địa thôn 1A, 1B)	100.000
2	Khu dân cư còn lại			60.000
VIII Xã Ea Hu				
		Cầu trắng	Ngã ba đối diện cổng chào thôn 6 xã Ea Ning	400.000
		Ngã ba đối diện cổng chào thôn 6 xã Ea Ning	Hết đoạn đường nhựa đi xã Cư Êwi	500.000
		Hết đoạn đường nhựa đi xã Cư Êwi	Giáp xã Cư Êwi	400.000
		Ngã ba đường liên xã đi xã Ea Hu, Cư Êwi	Hết chợ An Bình	500.000
1	Đường liên xã	Hết chợ An Bình	Cổng thoát nước (đầu chợ Ea Tur)	300.000
		Cổng thoát nước (đầu chợ Ea Tur)	Chùa Từ Quang cũ	400.000
		Chùa Từ Quang cũ	Đầu điểm khu dân cư	300.000
		Đầu điểm khu dân cư	Cầu Thác đá	400.000
		Cầu Thác đá	Giáp xã Ea Bhok	300.000
		Ngã ba đường liên xã	Hết chợ Ea Hu (thuộc thôn 2)	300.000
2	Đường liên thôn	Hết chợ Ea Hu (thuộc thôn 2)	Hết sân bóng thôn 1	120.000
		Cổng chào thôn 4	Hết sân bóng thôn 4	100.000
3	Khu dân cư còn lại			60.000

BẢNG SỐ 11: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CU M'GAR NĂM 2014
 Kèm theo Quyết định số: 44 /2013/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
1	Thị trấn Quảng Phú			
1	Hùng Vương	Ranh giới xã Quảng Tiến	Lý Thường Kiệt	4.500.000
		Lý Thường Kiệt	Trần Kiên	6.000.000
		Trần Kiên	Lê Quý Đôn	6.000.000
		Lê Quý Đôn	Giáp tổ dân phố 8	4.000.000
		Giáp tổ dân phố 8	Đường vào Ban Tự quản tổ dân phố 8	1.800.000
2	Lý Nam Đế	Đường vào Ban Tự quản tổ dân phố 8	Giáp ranh giới xã Ea Kpam	1.500.000
		Hùng Vương	Hàm Nghi	500.000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400.000
3	Ngô Quyền	Lê Lai	Hết đường	350.000
		Hùng Vương	Hàm Nghi	700.000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400.000
4	Nguyễn Trãi	Lê Lai	Hết đường	300.000
		Hùng Vương	Hàm Nghi	500.000
		Hàm Nghi	Lê Lai	400.000
5	Lý Thường Kiệt	Lê Lai	Hết đường	300.000
		Hùng Vương	Phù Đồng	2.000.000
		Phù Đồng	Hàm Nghi	700.000
		Hàm Nghi	Lê Lai	500.000
6	Mai Hắc Đế	Lê Lai	Hết đường	400.000
		Phù Đồng	Lê Lai	400.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG			Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến		
		Lê Lai	Hết đường		300.000
		Hùng Vương	Phù Đổng		2.000.000
		Phù Đổng	Hàm Nghi		700.000
		Hàm Nghi	Lê Lai		400.000
7	Quang Trung	Lê Lai	Hết đường		300.000
		Phù Đổng	Hàm Nghi		500.000
		Hàm Nghi	Lê Lai		400.000
		Lê Lai	Hết đường		300.000
8	Lê Đại Hành	Hùng Vương	Phù Đổng		1.500.000
		Phù Đổng	Hàm Nghi		700.000
		Hàm Nghi	Lê Lai		400.000
		Lê Lai	Hết đường		300.000
9	Lê Lợi	Phù Đổng	Hàm Nghi		500.000
		Hàm Nghi	Lê Lai		400.000
		Lê Lai	Hết đường		300.000
10	Lý Thái Tổ	Hùng Vương	Phù Đổng		1.500.000
		Phù Đổng	Hàm Nghi		700.000
		Hàm Nghi	Lê Lai		400.000
		Lê Lai	Hết đường		300.000
11	Trần Hưng Đạo	Phù Đổng	Hàm Nghi		500.000
		Hàm Nghi	Lê Lai		400.000
		Lê Lai	Hết đường		300.000
12	Bà Triệu	Phù Đổng	Hàm Nghi		500.000
		Hàm Nghi	Lê Lai		400.000
		Lê Lai	Hết đường		300.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
13	Hai Bà Trưng	Phù Đồng Hàm Nghi	Hàm Nghi Lê Lai	500.000 400.000
14	Đinh Tiên Hoàng	Phù Đồng Hàm Nghi Lê Lai	Hàm Nghi Lê Lai Hết đường	500.000 400.000 300.000
15	Trần Kiên	Hùng Vương Phù Đồng Hàm Nghi Lê Lai	Phù Đồng Hàm Nghi Lê Lai Hết đường	1.500.000 700.000 400.000 300.000
16	Nguyễn Hữu Thọ	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	1.500.000
17	Trường Chinh	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	1.500.000
18	Lê Duẩn	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	1.500.000
19	Đinh Núp	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	1.500.000
20	Hoàng Diệu	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	1.500.000
21	Lê Lai	Ranh giới xã Quảng Tiến	Trần Kiên	400.000
22	Nguyễn Thị Định	Bà Triệu	Trần Kiên	400.000
23	Hàm Nghi	Lý Nam Đế	Trần Kiên	500.000
24	Đường nằm giữa song song với đường Hàm Nghi và đường Phù Đồng	Trần Kiên	Lý Thường Kiệt	700.000
25	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Kiên	Hết đường	400.000
26	Phù Đồng	Lý Thường Kiệt	Trần Kiên	2.000.000
27	Nguyễn Thị Minh Khai	Trần Kiên	Hoàng Diệu	1.500.000
28	Trần Quang Khải	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	700.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOÀN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	400.000
29	Bùi Thị Xuân	Hùng Vương	Nguyễn Du	500.000
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	400.000
		Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	500.000
30	Huỳnh Thúc Kháng	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	400.000
31	Phan Chu Trinh	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	500.000
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	400.000
32	Phan Bội Châu	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	2.500.000
33	Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Chí Thanh	Giáp nghĩa địa	1.800.000
		Nguyễn Du	Nguyễn Chí Thanh	2.500.000
34	Phạm Hồng Thái	Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	700.000
35	Hồ Xuân Hương	Hùng Vương	Nguyễn Du	3.000.000
36	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Du	Nguyễn Chí Thanh	3.000.000
		Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	6.000.000
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	1.800.000
		Nguyễn Công Trứ	Hết đường	500.000
37	Nguyễn Văn Trỗi	Hùng Vương	Nguyễn Du	3.000.000
38	Điện Biên Phủ	Hùng Vương	Lê Hữu Trác	6.000.000
		Lê Hữu Trác	Nguyễn Chí Thanh	6.600.000
39	Hoàng Văn Thụ	Hùng Vương	Lê Hữu Trác	3.000.000
		Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	6.000.000
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	2.500.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
		Nguyễn Công Trứ	Hết đường	500.000
41	Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	700.000
42	Lý Tự Trọng	Nguyễn Công Trứ	Hết đường	500.000
43	Lê Thị Hồng Gấm	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	3.000.000
44	Lê Văn Tám	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	700.000
45	Võ Thị Sáu	Nguyễn Công Trứ	Hết đường	500.000
		Y Bih Alêô	Nguyễn Chí Thanh	500.000
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	600.000
		Nguyễn Công Trứ	Hết đường	400.000
46	Y Ngông Niê Kdăm	Hùng Vương	Nơ Trang Long	2.500.000
47	Trần Phú	Nơ Trang Long	Hết ranh giới thị trấn Quảng Phú	1.700.000
48	Lê Hồng Phong	Hùng Vương	Nơ Trang Long	500.000
49	Hà Huy Tập	Hùng Vương	A Ma Zhao	500.000
50	Phạm Văn Đồng	Hùng Vương	Nơ Trang Long	500.000
51	Nguyễn Văn Cừ	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	500.000
52	Tôn Đức Thắng	Hùng Vương	Hết đường	500.000
		Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Văn Linh	600.000
53	Kim Đồng	Nguyễn Văn Linh	Hết đường	500.000
54	Lê Quý Đôn	Hùng Vương	Hết đường	500.000
		Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	700.000
55	Y Jút	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	600.000
		Nguyễn Văn Linh	Hết đường	600.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
56	Nơ Trang Gùh	Hùng Vương	Hết đường	500.000
57	Lê Hữu Trác	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Y Ngông Niê Kdăm	3.000.000
58	Nguyễn Du	Trần Quang Khải	Phan Bội Châu	700.000
		Phan Bội Châu	Xô Viết Nghệ Tĩnh	4.000.000
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cách Mạng Tháng 8	6.000.000
		Cách Mạng Tháng 8	Y Ngông Niê Kdăm	5.500.000
59	Y Bih Alêô	Lý Tự Trọng	Y Ngông Niê Kdăm	400.000
60	Nguyễn Chí Thanh	Trần Quang Khải	Phan Bội Châu	500.000
		Phan Bội Châu	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.500.000
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cách Mạng Tháng 8	5.500.000
		Cách Mạng Tháng 8	Y Ngông Niê Kdăm	4.500.000
61	Tô Hiệu	Phan Bội Châu	Xô Viết Nghệ Tĩnh	500.000
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cách Mạng Tháng 8	800.000
62	Nguyễn Công Trứ	Đoàn Thị Điểm	Y Ngông Niê Kdăm	400.000
63	Ngô Gia Tự	Hàn Nghi	Nguyễn Thị Định	500.000
		Nguyễn Thị Định	Lê Lai	400.000
		Lê Lai	Hết đường	300.000
64	Y Ôn	Hà Huy Tập	Kim Đồng	500.000
65	Nguyễn Văn Linh	Y Ngông Niê Kdăm	Nơ Trang Gùh	500.000
66	Ama Jhao	Lê Hồng Phong	Hết đường	500.000
67	Nơ Trang Long	Y Ngông Niê Kdăm	Hà Huy Tập	500.000
68	Đường giữa Hùng Vương và Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Hữu Thọ	Hoàng Diệu	1.000.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
69	Hẻm Trường 10-3	Quang Trung	Hết đường	400.000
70	Đường ranh giới TT Quảng Phú - xã Quảng Tiến	Hùng Vương	Nguyễn Du	600.000
71	Đường ranh giới xã Cư M'gar, khối 5 TT Quảng Phú	Ngã ba Y Ngông	Võ Thị Sáu	500.000
72	Các lô đất trong khu vực chợ			4.500.000
73	Khu vực còn lại tổ dân phố 1, 5			400.000
74	Khu vực còn lại tổ dân phố 3, 4, 7			300.000
75	Khu vực còn lại tổ dân phố 6			600.000
76	Khu vực còn lại tổ dân phố 8			300.000
II	Thị trấn Ea Pôk			
1	Tỉnh lộ 8	Ranh giới xã Cư Suê	Ngã ba đi buôn Pôk	1.000.000
		Ngã ba đi buôn Pôk	Cầu thôn 1 (cầu Tổ dân phố Quyết Tiến)	1.500.000
		Cầu thôn 1 (cầu Tổ dân phố Quyết Tiến)	Ngã ba đi buôn Máp	1.700.000
		Ngã ba đi buôn Máp	Ranh giới xã Quảng Tiến	1.200.000
		Tỉnh lộ 8	Vào sâu 300m	700.000
2	Đường bảo buôn Pôk A	Từ 300m	Giáp Buôn Pôk A	300.000
3	Đường bảo buôn Máp	Tỉnh lộ 8	Vào sâu 300m	250.000
		Vào sâu 300m	Hết buôn Máp	100.000
		Hết buôn Máp	Đường vào buôn Sút	80.000
4	Đường ngang Tỉnh lộ 8	Tỉnh lộ 8: Thuộc 1, 2, 3, 6 (Tổ dân phố Quyết Tiến, Quyết Thắng, Toàn Thắng, Thắng Lợi, Thành Công)	Vào sâu 100m	500.000
5	Đường ngang ranh giới xã Quảng Tiến - Ea Pôk	Từ 100m	Vào sâu 300m thuộc thôn 1, thôn 2 (tổ dân phố Quyết Tiến; Quyết Thắng; Toàn Thắng; Thắng Lợi)	300.000
		Tỉnh lộ 8+ 100m (Điều chỉnh lại tên là Từ Tỉnh lộ 8 + 100m thuộc thôn Thống Nhất; Thôn 8)	vào sâu 300m	150.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
6	Khu vực chợ	Các lô đất quay mặt vào chợ Khu vực còn lại của chợ		800.000 600.000
7	Đường vào buôn Pôk A	Buôn Pôk B (Từ Công chảo Buôn Pôk B (Hai bên đường nhựt)	Giáp xã Ea M'hang	100.000
8	Khu dân cư buôn Mấp, An Bình, thôn 4, thôn 5, buôn Pôk A			80.000
9	Khu dân cư buôn Pôk B, buôn Lang, buôn Sút			70.000
10	Khu dân cư còn lại			150.000
III Xã Quảng Tiến				
1	Tỉnh lộ 8	Ranh giới TT Ea Pôk	Cầu Ea Tul	1.200.000
		Cầu Ea Tul	Ngã tư đi xã Ea Drong	2.500.000
		Ngã tư đi xã Ea Drong	Ranh giới TT Quảng Phú	3.500.000
2	Đường liên xã Quảng Tiến đi xã Ea Rong	Từ Tỉnh lộ 8 (Từ Tỉnh lộ 8 trừ khu vực đã có) Hết cây xăng Ngọc Hải	Hết cây xăng Ngọc Hải (Vào 1000m) Đến 1600m	500.000 400.000
3	Các đường phía Tây của TL8	Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 350m	250.000
4	Các đường phía Đông của TL8	Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 1000m	250.000
5	Đường ngang thôn Tiến Thành	Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Hướng Tây 400m	150.000
6	Đường ranh giới khối 1 TT Quảng Phú - xã Quảng Tiến	Tỉnh lộ 8	Hết đường	600.000
7	Khu dân cư còn lại thôn Tiến Thành			80.000
8	Khu dân cư còn lại			100.000
IV Xã Cư Suê				
1	Tỉnh lộ 8	Giáp ranh phường Tân Lợi 1 km	1 km (thết thừa đất nhà ông Đức cũ) Giáp ranh TT Ea Pôk	1.500.000 1.000.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
2	Đường nhánh Tỉnh lộ 8 rộng >= 6m	Đại lý Bích Giám (buôn Rư) Vào sâu 200m Vào sâu 500m	Vào sâu 200m Vào sâu 500m Hết đường	300.000 250.000 200.000
3	Đường nhánh Tỉnh lộ 8 rộng >= 6m	Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có) Vào sâu 200m Vào sâu 500m	Vào sâu 200m Vào sâu 500m Hết đường	250.000 200.000 150.000
4	Đường nhánh Tỉnh lộ 8 rộng <= 6m	Tỉnh Lộ 8 (trừ khu vực đã có) Vào sâu 200m Vào sâu 500m	vào sâu 200m Vào sâu 500m Hết đường	150.000 100.000 90.000
5	Đường liên xã	Trung tâm xã (ngã tư cây xăng Hoàng Quý) Trung tâm xã (ngã tư cây xăng Hoàng Quý) theo trục đường các phía + 300m (về TL 8) + 600m về phía Tỉnh lộ 8 Trung tâm xã (ngã tư cây xăng Hoàng Quý) theo trục đường các phía + 300 m (về Ea Mnang) + 600m về phía Ea Mnang	Trục đường các phía + 300m + 600m về phía Tỉnh lộ 8 Tỉnh Lộ 8 - 200m + 600m về phía Ea Mnang Giáp Ea Mnang	500.000 300.000 200.000 150.000 100.000
6	Đường liên thôn	Ngã ba (giao nhau giữa đường Ea Mnang và đi thôn 2) + 300m về phía Trường THCS Lê Hồng Phong Trung tâm xã (ngã tư cây xăng Hoàng Quý) trừ khu vực đã có + 200m về phía thôn 3 Trung tâm xã (ngã tư cây xăng Hoàng Quý) trừ khu vực đã có	Hết Trường THCS Lê Hồng Phong + 200m về phía thôn 3 Hết đường + 200m về phía nghĩa địa	250.000 150.000 250.000 90.000 150.000
7	Khu vực còn lại thôn 1, buôn SutMru, thôn 6			90.000
8	Khu dân cư còn lại			70.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
V	Xã Ea M'ngang			
1	Đường liên xã	Cầu đi TT Quảng Phú (Ranh giới xã Quảng Tiến)	Ranh giới xã Ea Bar (huyện Buôn Đôn)	150.000
		Cầu Cư Suê	Ea M'ngang	150.000
		Thôn 1a (ngã ba đi TT Quảng Phú, đi UBND xã Ea M'ngang, đi Quảng Hiệp)	Cua 90 (ranh giới xã Quảng Hiệp)	100.000
		Đường ranh giới xã Cư M'gar	Cua 90 (ranh giới xã Quảng Hiệp)	120.000
2	Đường liên xã	Từ thôn 1B xã Ea M'ngang	Đến Thị trấn Ea Pôk	150.000
3	Khu dân cư thôn 1A, 1B, 2A, 2B, thôn 3			80.000
4	Khu dân cư còn lại			70.000
VI	Xã Ea Drong			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới xã Cuôr Đăng	Giáp ranh Thị Xã Buôn Hồ	430.000
2	Đường liên xã	Ranh giới xã Cuôr Đăng	Vào sâu 1100 m (ngã ba)	1.000.000
		Từ 1100 m (ngã ba)	Hết Nhà máy chế biến mù cao su	330.000
		Hết nhà máy chế biến mù cao su	Ranh giới xã Quảng Tiến	80.000
3	Đường ngang Quốc lộ 14 (đường rẽ vào khu dân cư NT Phú Xuân)	Quốc lộ 14 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200m (trừ khu vực đã có)	200.000
4	Nhánh rẽ vào khu dân cư NT Phú Xuân (khu vực còn lại của nhánh rẽ Nông trường Phú Xuân)			100.000
5	Khu dân cư còn lại buôn Tar 1, buôn Jong			80.000
6	Khu dân cư còn lại của Mục 2 (Mục 2: Đường liên xã)			70.000
7	Khu dân cư còn lại			50.000
VII	Xã Cuôr Đăng			
1	Quốc lộ 14	Ranh giới thành phố Buôn Ma Thuột	Dầu suối Ea M'kang	1.500.000
		Suối Ea M'kang	Ranh giới xã Ea Drong (-600m)	1.000.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Ranh giới xã Ea Drong (-600m)	Ranh giới xã Ea Drong	1.500.000
2	Đường liên xã	Ngã ba Cuôr Đăng (đi Ea Drong)	Ranh giới xã Ea D'rong	1.000.000
3	Khu vực còn lại vào xã Ea Drong (trừ trục đường liên xã)			200.000
4	Đường vào Công ty cà phê Thắng Lợi	Quốc lộ 14	Ngã ba buôn Aring	800.000
		Ngã ba buôn Aring	Hết đường	100.000
5	Đường song song Quốc lộ 14	Đường thứ nhất	Buôn Cuôr Đăng A, buôn Cuôr Đăng B, buôn Kroa B, buôn Kroa C	100.000
		Đường thứ nhất	Buôn Ko Hneh	200.000
		Đường thứ hai	Buôn Ko Hneh	100.000
6	Đường ngang Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200m	200.000
		Từ 200m	Vào sâu 400m	130.000
7	Khu vực chợ	Các lô đất trong khu vực chợ		1.000.000
8	Khu dân cư còn lại			70.000
VIII Xã Cư M'gar				
1	Đường liên xã	Ranh giới khối 6 TT Quảng Phú	Ranh giới khối 5 TT Quảng Phú	1.500.000
		Ranh giới khối 5 TT Quảng Phú	Hết ranh giới đất nhà Làng nghề truyền thống	900.000
		Hết ranh giới đất nhà Làng nghề truyền thống	Hết ranh giới đất Trường Ama Trang Long	500.000
		Hết ranh giới đất Trường Ama Trang Long	Cầu số 1	350.000
		Cầu số 1	Hết ranh giới đất Trường Cao Bá Quát	300.000
		Hết ranh giới đất Trường Cao Bá Quát	Cầu số 2	250.000
		Cầu số 2	Hết ranh giới đất Trường Nguyễn Thị Minh Khai	300.000
		Hết ranh giới đất Trường Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu 3 (ranh giới xã Ea Mnang, Quảng Hiệp)	400.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
2	Đường ranh giới xã Cư M'gar, TT Quảng Phú	Ngã ba Y Ngông - Nơ Trang Long Ngã ba Y Ngông	Hết đường Vô Thị Sáu (khối 5 TT Quảng Phú)	400.000 400.000
3	Các đường ngang tiếp giáp với đường ranh giới khối 6 TT Quảng Phú (Nơ Trang Long)	Ranh giới khối 6 TT Quảng Phú (đường Nơ Trang Long)	Vào sâu 250m	500.000
4	Đường ngã ba Trạm biển áp 35	Ngã ba Trạm biển áp 35	Ngã tư đường thứ 2 buôn Kana	200.000
5	Đường nhựa song song với đường liên xã của buôn Kana	Ngã ba đường vào nghĩa địa	Hết đường	200.000
6	Các đường ngang với đường liên xã	Các ngã ba đường liên xã của buôn Kana B, buôn Huk A, buôn Huk B	Vào sâu 100m	150.000
		Ngã ba đường liên xã vào buôn Biling, buôn Trấp, buôn Nhung	Vào sâu 200m	120.000
		Ngã ba đường liên xã (đường đối diện UBND xã)	Vào sâu 1000m	150.000
		Ngã ba đường liên xã đi các thôn 4, 5, 6 và 7	Vào sâu 500m	150.000
7	Khu dân cư còn lại thuộc buôn K'Na A, buôn K'Na B, buôn Huk A, buôn Huk B			80.000
8	Khu dân cư còn lại			70.000
IX Xã Quảng Hiệp				
1	Đường liên xã đi TT Quảng Phú	UBND xã	Đường đi TT Quảng Phú + 200m	400.000
		Đường đi TT Quảng Phú + 200m	Đường đi TT Quảng Phú + 1000m	150.000
		Đường đi TT Quảng Phú + 1000m	Giáp ranh giới xã Cư M'gar	120.000
2	Đường liên xã đi xã Ea M'drôh	UBND xã	Đường đi Ea M'drôh + 300m	400.000
		Đường đi Ea M'drôh + 300m	Đường đi Ea M'drôh + 1500m	200.000
		Giáp xã Ea M'drôh + 1500m	Giáp xã Ea M'drôh	100.000
3	Đường liên xã đi xã Ea M'drôh - xã Ea Kiết	UBND xã	Đường đi Ea Kiết + 300m	400.000
		Đường đi Ea Kiết + 300m	Đường đi Ea Kiết + 1300m	150.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Đường đi Ea Kiết + 1300m	Giáp xã Ea Kiết	100.000
4	Đường liên xã đi xã Ea-Mnang	Cua 90	Ngã ba đi Ea M'ngang	100.000
5	Khu vực chợ	Các lô đất trong khu vực chợ		300.000
6	Đường đi Bưu Điện	Đường liên xã đi Ea Kiết	Đường liên xã đi Ea M'drôh	200.000
7	Đường đi Trạm Y tế	Đường liên xã đi Ea Kiết	Hết Trạm Y tế	150.000
8	Đường vào khu dân cư Hiệp Đoàn	Đường đi xã Cư M'gar (ngã ba vườn tếch)	Đường đi xã Cư M'gar + 1000m	100.000
		Đường đi xã Cư M'gar + 1000m	Đường đi xã Cư M'gar + 2000m	50.000
9	Đường vào Trường Ngô Gia Tự	Ngã ba đường liên xã (ngã ba cây phượng)	Trường Ngô Gia Tự	70.000
10	Khu dân cư còn lại			70.000
X	Xã Ea M'drôh			
1	Trung tâm UBND xã	Ngã tư UBND xã theo trục đường đi các phía	Ngã tư UBND xã + 300m	150.000
2	Đường liên xã Ea M'drôh - Quảng Hiệp	UBND xã + 300m	Giáp ranh giới xã Quảng Hiệp	100.000
3	Đường liên xã: Ea M'drôh - Ea Kiết - Quảng Hiệp	UBND xã + 300m	Giáp ranh xã Quảng Hiệp, Ea Kiết	100.000
4	Đường liên xã: Ea M'drôh - Buôn Đôn	UBND xã + 300m	Giáp ranh giới huyện Buôn Đôn	100.000
5	Khu dân cư còn lại			70.000
XI	Xã Ea Kiết			
1	Khu vực ngã tư UBND xã	Ngã tư UBND xã	Các phía theo trục đường 300m (trừ khu vực chợ)	400.000
2	Khu vực chợ	Mặt tiền đường khu vực chợ		800.000
		Các lô đất trong khu vực chợ		500.000
3	Đường liên huyện Krông Buk	Ngã tư UBND xã + 300m	Hết ranh giới đất Trường Phan Đăng Lưu	100.000
		Hết ranh giới đất Trường Phan Đăng Lưu	Giáp ranh Ea Kuêh	70.000
		Ngã tư UBND xã + 300m	Hết ranh giới đất Trụ sở Lâm trường Buôn Ja Wâm	250.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
4	Đường liên huyện Ea Sup	Hết ranh giới đất Trụ sở Lâm trường Buôn Ja Wâm Ngã ba (Tiểu đoàn 303)	Ngã ba (Tiểu đoàn 303) Ngã ba (vườn ông Phỏ, thôn 2)	150.000 70.000
5	Đường liên xã Ea H'đing	Ngã tư UBND xã + 300m	Giáp xã Ea H'đing	150.000
6	Đường liên xã Ea Kiết - Ea M'droh	Ngã tư thôn 10 Ngã tư thôn 10 + 200m	Vào sâu 200m Giáp xã Ea M'droh	200.000 70.000
7	Đường liên thôn	Ngã tư nhà ông Ngọc (thôn 10)	Ngã tư nhà ông Doãn (thôn 5)	100.000
8	Đường liên thôn	Ngã ba nhà ông Thảo (thôn 10)	Hội trường thôn 6	90.000
9	Đường liên thôn	Ngã ba nhà ông Ngọc (thôn 10)	Nhà ông Chiến (thôn 6)	50.000
10	Đường liên thôn	Ngã ba nhà ông Mân (thôn 8)	Ngã ba (đường Ea Kuêh)	70.000
11	Đường liên thôn	Ngã tư nhà ông Minh Thủy (thôn 10)	Ngã ba (cổng chào thôn 7)	70.000
12	Đường liên thôn	Ngã ba (cổng chào thôn 7)	Hết ranh giới thôn 14	50.000
13	Đường liên thôn	Cổng Chào thôn 10	Nhà ông Sum (thôn 10)	70.000
14	Đường liên thôn	Ngã tư UBND xã + 300m Ngã ba nhà bà Liên (thôn 1)	Hết ranh giới đất Trường Hoàng Văn Thụ Ngã ba nhà ông Thông (thôn 1)	150.000 120.000
15	Đường liên thôn	Hết ranh giới đất Trường Hoàng Văn Thụ	Cổng chào thôn 2	70.000
16	Đường nội thôn	Cổng chào thôn 1	Ngã ba (nhà bà Liên)	100.000
17	Đường nội thôn	Cổng chào thôn 7	Nhà ông Phú (thôn 7)	50.000
18	Đường nội thôn	Ngã ba (nhà ông Doài thôn 1)	Nhà ông Hoà Lộc (thôn 1)	70.000
19	Đường nội thôn	Ngã ba (nhà ông Nam thôn 5)	Nhà ông Hà (thôn 10)	90.000
20	Khu dân cư còn lại			70.000
XII	Xã Ea Tar			
1	Đường liên xã Ea Tar - Ea H'đing	Giáp ranh Ea H'đing (đường nhựa thôn 1, 2, 3, 4)	Cổng văn hoá thôn 4	400.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Cổng văn hoá thôn 4	Cầu Ea Tar	300.000
2	Đường liên xã Ea Tar - Ea Kuéh	Cầu Ea Tar	Hết ranh giới đất Trường Trần Cao Vân	150.000
		Hết ranh giới đất Trường Trần Cao Vân	Giáp ranh giới xã Ea Kuéh	100.000
3	Đường liên xã Ea Tar - Cư DiêMnông	Cầu Ea Tar	Giáp ranh giới xã Cư DiêMnông	100.000
4	Đường ranh giới thôn 1 (Ea Tar - Ea H'đing)	Ngã ba Trung tâm cao su Ea H'đing	Ngã tư đập tràn hồ Ea Káp	100.000
5	Đường nhựa thôn 2	Cây xăng Luyến Điểm	Hết ranh giới đất Trường Nguyễn Văn Bé	150.000
		Hết ranh giới đất Trường Nguyễn Văn Bé	Hết đập tràn hồ Ea Káp	100.000
6	Đường nhựa thôn 3	Cây xăng Luyến Điểm	Hết ngã ba thứ 3	100.000
7	Đường nhựa thôn 3 (đường nhựa phía sau UBND xã)	Ngã tư (nhà bà Hoa)	Hết ngã tư thứ nhất - ranh giới thôn 3, thôn 4 (nhà ông Ngẫu)	100.000
8	Đường nhựa thôn 4 (Đường nhựa phía sau UBND xã)	Hết ngã tư thứ nhất - Ranh giới thôn 3, 4 (nhà ông Ngẫu)	Hết đường	100.000
9	Đường nhựa ranh giới thôn 3, thôn 4	Ngã tư ranh giới thôn 3, 4 (nhà ông Ngẫu)	Giáp cao su	100.000
10	Đường vào Trạm Y tế (mới)	Từ công UBND xã	Trạm Y tế (mới)	150.000
11	Khu dân cư còn lại thôn 1, 2, 3, 4, 5			90.000
12	Khu dân cư còn lại			70.000
XIII	Xã Ea H'đing			
1	Trung tâm cụm xã Ea H'đing	Ngã ba buôn Ea Sang	Các phía theo trục đường 500m	600.000
		Các phía theo trục đường + 500m	Ngã ba buôn Jók	300.000
2	Đường liên xã Ea Kpam	Ngã ba buôn Jók	Cầu Ea H'đing	250.000
		Cầu Ea H'đing	Ranh giới xã Ea Kpam	100.000
3	Đường liên xã Ea Kiết	Ngã ba buôn Ea Sang + 500m	Đến 2 km (đi Ea Kiết)	250.000
		Đến 2 km (đi Ea Kiết)	Giáp Ranh giới xã Ea Kiết	200.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
4	Đường liên xã Ea Tar	Ngã ba buôn Ea Sang + 500m	Giáp Ranh giới xã Ea Tar	400.000
5	Đường liên thôn	Từ ngã ba buôn Jók	Ngã ba thứ 1 (đường đi buôn K Rینگ, Quảng Hiệp)	150.000
		Ngã ba thứ 1 (đường đi buôn K Rینگ, Quảng Hiệp)	Trung tâm buôn Rینگ	100.000
6	Đường song song đường liên xã	Đường thứ nhất	Thuộc buôn Jók, buôn Ea Sang B, buôn Ea Sang, buôn Ea Tar và thôn 1	100.000
7	Đường nối liền đường liên xã với đường song song thứ nhất của buôn Jók, buôn Ea Sang B, buôn Ea Sang, buôn Ea Tar và thôn 1			100.000
8	Khu vực chợ	Các lô đất trong khu vực chợ		400.000
9	Khu vực chợ	Khu vực còn lại		200.000
10	Đường ranh giới thôn 1 (EaTar - Ea H'ding)	Ngã ba Trung tâm cao su Ea H'ding	Ngã tư đập tràn hồ Ea Kấp	100.000
11	Khu vực Trường Trần Quang Khải	Ngã ba đường liên xã Ea H'ding - Ea Tar (nhà ông Còi)	Hết trường học	400.000
		Ngã ba Trường Trần Quang Khải (hướng Đông)	Vào sâu 400m	300.000
12	Đường nhựa từ ngã ba Trường Trần Quang Khải	Ngã ba Trường Trần Quang Khải	Đường liên xã Ea H'ding - Ea Kiệt	300.000
13	Khu dân cư buôn Jók, buôn Ea Sang B, buôn Ea Sang, buôn Ea Tar và thôn 1 (trừ khu vực đã có)			90.000
14	Khu dân cư còn lại			70.000
XIV Xã Ea Kpam				
1	Tỉnh Lộ 8	Ranh giới TT Quảng Phú	Ngã tư vào đường T2, T8	1.500.000
		Ngã tư vào đường T2, T8	Hết trụ sở Công ty cao su Cư M'gar	1.600.000
		Hết ranh giới đất Trụ sở Công ty Cao su Cư M'gar	Giáp ranh Ea Tul	150.000
2	Đường liên xã Ea Kpam - Ea H'ding	Ngã ba Tỉnh lộ 8	Tỉnh lộ 8 + 1500m	200.000
		Tỉnh lộ 8 + 1500m	Giáp xã Ea H'ding	150.000
3	Đường liên xã Ea Kpam - Cư DiêmMông	Ngã ba Ea Tul	Giáp buôn Đing xã Cư DiêmMông	80.000
4	Đường vào hồ Buôn Jong	Tỉnh lộ 8	Tỉnh lộ 8 + 1500m	140.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	DOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Tính lộ 8 + 1500m	Hết đường nhựa buôn Jong	120.000
		Tính lộ 8	Vào sâu 200m	250.000
5	Đường ngang Tính Lộ 8 thôn 1, 2, 8, Tân Lập (trừ khu vực đã có)	Tính lộ 8 + 200m	Tính lộ 8 + 500m	220.000
		Tính lộ 8 + 500m	Tính lộ 8 + 1000m	140.000
6	Đường song song Tính lộ 8 thuộc thôn 1, thôn 2, thôn 8, thôn Tân Lập	Tính lộ 8	Vào sâu 200m	150.000
		Tính lộ 8 + 200m	Tính lộ 8 + 500m	120.000
		Tính lộ 8 + 500m	Tính lộ 8 + 1000m	100.000
		Tính lộ 8 + 1000m	Hết đường	120.000
7	Đường nối liền đường song song Tính lộ 8: thôn 1, 2, 8, Tân Lập	Tính lộ 8	Tính lộ 8 + 200m	160.000
		Tính lộ 8 + 200m	Tính lộ 8 + 500m	140.000
		Tính lộ 8 + 500m	Tính lộ 8 + 1000m	120.000
8	Khu chợ	Các lô đất trong khu vực chợ		450.000
9	Khu dân cư còn lại			70.000
XV	Xã Ea Tul			
1	Đường Tính lộ 8	Giáp xã Ea Kpam	Giáp xã Cư Diêm'nông (-1000)	150.000
		Giáp xã Cư Diêm'nông (-1000)	Giáp xã Cư Diêm'nông	200.000
2	Đường liên xã	Ngã ba Nông trường Ea Tul gần trường cấp 2 Ea Tul	Giáp phường Thống Nhất-TX Buôn Hồ	70.000
3	Đường vào UBND xã	Ngã ba cổng chào buôn Sah A	Ngã tư chợ	70.000
4	Khu chợ	Các lô đất mặt tiền		300.000
		Các lô đất trong chợ		200.000
5	Khu dân cư còn lại			50.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
XVI	Xã Cư Diêm' nông			
1	Đường Tỉnh lộ 8	Giáp xã Ea Tul Vào sâu 1000m	vào sâu 1000m Giáp Ea Ngai (Krông Búk)	200.000 250.000
2	Khu vực Trung tâm xã	Trụ sở UBND xã Trụ sở UBND xã các phía + 300m Trụ sở UBND xã các phía + 500m	Trụ sở UBND xã các phía + 300m Trụ sở UBND xã các phía + 500m Trụ sở UBND xã các phía + 1000m (đi thôn 8)	350.000 250.000 130.000
3	Đường trục chính	Trụ sở Công ty 15	Giáp xã Cư Pong	100.000
4	Đường liên thôn	Thôn 5, thôn 6 Ngã ba buôn Prao	Ngã ba buôn Rah 200m về buôn Prao	130.000 150.000
5	Trục đường thôn Tân Thành	Trục đường chính thôn Tân Thành	Ngã ba thôn Tân Thành đi thôn Tân Lập	130.000
6	Khu dân cư 7 đội sản xuất cả phê 15			90.000
7	Khu dân cư thôn 1, 2, 3, 4, 5, 8, Tân thành, Tân Lập			100.000
8	Khu dân cư còn lại			80.000
XVII	Xã Ea Kuếch			
		Giáp xã Ea Kiệt Cầu suối đá Đầu hồ buôn Wíng	Cầu suối đá Đầu hồ buôn Wíng Trụ sở UBND	80.000 100.000 120.000
1	Đường liên xã	Trụ sở UBND	Hết thôn Đoàn Kết	70.000
		Trụ sở UBND	Ngã ba cổng chào buôn Ja Jai	100.000
2	Đường liên xã Ea Kuếch - Ea Tar	Cổng chào thôn Thác Đá	+ 500m các phía	80.000
3	Khu dân cư còn lại			50.000

BẢNG SỐ 13: GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG BÔNG NĂM 2014

Kèm theo Quyết định số: 41 /2013/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
I	Thị trấn Krông Kmar			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hoà Sơn	Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Ngọc Sơn (CA)	800.000
		Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Ngọc Sơn (CA)	Hết đất vườn ông Nguyễn Văn Anh (BS)	1.200.000
		Hết đất vườn ông Nguyễn Văn Anh (BS)	Giáp ranh đất Công an huyện	1.400.000
		Giáp ranh đất Công an huyện	Nút ngã 5 vào khu du lịch Krông Kmar	1.700.000
		Nút ngã năm vào khu du lịch Krông Kmar	Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện	1.900.000
		Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện	Hết cây xăng Nam Tây nguyên	2.200.000
		Hết cây xăng Nam Tây nguyên	Hết đất vườn ông Nguyễn Đức Ty	2.000.000
		Hết đất vườn ông Nguyễn Đức Ty	Giáp cầu sắt	700.000
		Trung tâm ngã tư thị trấn Krông Kmar	Đầu ranh giới thửa đất ông Đậu Quang Long	1.300.000
		Đầu ranh giới thửa đất ông Đậu Quang Long	Mương thủy lợi Bệnh viện huyện	1.200.000
2	Tỉnh lộ 9	Mương thủy lợi Bệnh viện huyện	Hết Nghĩa trang liệt sỹ huyện	600.000
		Hết Nghĩa trang liệt sỹ huyện	Giáp ranh xã Khuê Ngọc Điền	400.000
		Cuối Trạm Thú y huyện	Hết đất vườn bà Đình Trần Bích Nga	350.000
3	Đường giao thông nội thị	Hết đất vườn bà Đình Trần Bích Nga	Giáp ranh Trạm Viễn thông	300.000
		Cuối ranh giới thửa đất vườn nhà ông Y Khiêm Byă	Hết đất vườn nhà ông Phan Tấn Dũng	200.000
		Nhà ông Trần Văn Bạ	Giáp ngã ba đất bà Phan Thị Thu Hương	200.000
		Ngã ba nhà ông Cao Văn Ninh	Hết đất vườn nhà ông Kpá Song	200.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Ai (Công an)	Hết đất vườn nhà ông Chiến (Công an)	700.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
	Hết đất vườn nhà ông Chiến (Công an)		Hết đất vườn nhà ông Diên	500.000
	Hết đất vườn nhà ông Diên		Ngã ba vào buôn Ja	300.000
	Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Tâm (Giáo viên)		Ngã ba nhà ông Hà Học Hoài	300.000
	Ngã ba nhà ông Hà Học Hoài		Ngã ba nhà ông Trương Văn Tường	200.000
	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Tài		Hết đất vườn nhà ông Liêm (Nuong)	250.000
	Đầu ranh giới thửa đất Đội quản lý Đô thị huyện		Ngã ba nhà bà Hà Thị Thu Suong	600.000
	Ngã ba nhà bà Hà Thị Thu Suong		Hết đất vườn nhà ông Quang (Huyện uỷ)	500.000
	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Thanh		Giáp đất vườn nhà ông Hà Học Hoài	200.000
	Đầu ranh giới thửa đất ông Phạm Phú Lễ		Đầu ranh giới thửa đất Trường TH.Lê Hồng Phong	500.000
	Đầu ranh giới thửa đất Trường TH.Lê Hồng Phong		Hết đất vườn nhà ông Đỗ Thế Hùng	400.000
	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Trần Trọng Mai (Tr.hình)		Giáp đất vườn nhà ông Nguyễn Văn Tho	400.000
	Giáp ranh giới thửa đất ông Ama H' Loan		Hết đất vườn nhà ông Đặng Ngọc Yến	300.000
	Hết đất vườn nhà ông Đặng Ngọc Yến		Hết đất vườn nhà ông Mai Hoàng	150.000
	Hết đất vườn nhà ông Mai Hoàng		Giáp đất vườn bà Hồ Thị Hương	300.000
	Đầu ranh giới thửa đất bà Hồ Thị Hương		Giáp Trường Nguyễn Việt Xuân	300.000
	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Phan Thanh Huy (NHNN)		Hết đất vườn ông Văn Phú Hồng	600.000
	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Phạm Ngọc Thọ		Giáp cổng Xi phòng	450.000
	Từ cổng Xi phòng		Giáp ngã ba buôn Ja	350.000
	Từ ngã ba buôn Ja		Giáp khu vực du lịch Krông Knar	250.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Hết đất vườn nhà ông Phan Thanh Huy (Ngân hàng)	Hết đất vườn nhà ông Trương Hữu Phấn (TTDNghè)	500.000
		Cuối ranh giới thừa đất nhà ông Nguyễn Ai Dân	Giáp đất vườn nhà ông Phạm Ngọc Thọ	300.000
		Đầu ranh giới thừa đất nhà ông Minh	Giáp ngã ba nhà ông Khát Duy Bình	400.000
		Ngã ba nhà ông Khát Duy Bình	Giáp ngã ba nhà bà Phạm Thị Nghĩa	300.000
		Cuối ranh giới thừa đất vườn nhà bà Nguyễn Thị Hương	Hết đất vườn nhà ông Tiệp (sửa đồng hồ)	400.000
		Đầu ranh giới thừa đất nhà bà Nha (Hộ sinh)	Hết đất vườn nhà ông Võ Văn Phương	400.000
		Đầu ranh giới thừa đất nhà ông Ngô Xuân	Giáp đất vườn nhà ông Phạm Bình	200.000
		Cuối ranh giới thừa đất vườn nhà ông Lê Phụng Hiệp	Hết đất vườn nhà ông Hồ Nguyên	200.000
		Ngã ba nhà bà Phạm Thị Nghĩa	Ngã ba nhà ông Nguyễn Bình	200.000
		Đầu ranh giới thừa đất nhà ông Mai Văn Dinh	Giáp đất vườn nhà ông Khát Duy Bình	800.000
		Ngã ba nhà ông Phan Nhàn	Giáp ngã tư nhà ông Bùi Văn Huân (Bác sỹ)	700.000
		Đầu ranh giới thừa đất nhà bà Quá	Giáp đất vườn nhà ông Lương Văn Khánh	200.000
		Cuối ranh giới thừa đất vườn ông Nguyễn Văn Phương	Ngã tư nhà ông Nguyễn Văn Phong	300.000
		Đầu ranh giới thừa đất nhà ông Nguyễn Văn Phong	Hết đất vườn nhà ông Dương Văn Truyền	200.000
		Cuối ranh giới thừa đất vườn nhà ông Trần Phước Long	Hết đất vườn nhà ông Trương Hữu Phước	150.000
		Đầu ranh giới thừa đất nhà bà Đặng Thị Hương	Hết đất vườn nhà ông Lê Tri	150.000
		Đầu ranh giới thừa đất nhà ông Trần thị Vỹ	Ngã ba đất ông Võ Tấn Trục	400.000
		Ngã ba đất ông Võ Tấn Trục	Ngã tư nhà ông Nguyễn Bình	300.000
		Ngã ba nhà làm việc Tổ dân phố 7	Hết đất vườn nhà ông Hoàng Xuân Liều	200.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Giáp ranh xã Hoà Sơn	Giáp mặt sau Nghĩa trang liệt sĩ huyện	120.000
		Ngã ba nhà ông Y Đức	Giáp nương thủy lợi	200.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Huỳnh Việt Châu	Hết thửa đất nhà ông Võ Hàn (giáp đường nhựa)	150.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Dương Quốc Hùng	Hết thửa đất nhà ông Huỳnh Bón	120.000
		Đầu ranh giới thửa đất ông Huỳnh Chí Trung	Hết thửa đất nhà ông Đinh Văn Toàn	120.000
		Khu 1		1.200.000
		Khu 2		900.000
		Khu 3		700.000
		Khu 4		700.000
		Khu 5		800.000
		Khu 6		900.000
		Khu đất chợ còn lại		600.000
5	Khu dân cư còn lại			100.000
II Xã Khuê Ngọc Diên				
		Ranh giới thị trấn Krông Kmar	Ngã tư thôn 5	350.000
		Ngã tư thôn 5	Trụ điện số 82	450.000
		Trụ điện số 82	Ngã ba ông Cảnh (thôn 2)	350.000
1	Tỉnh lộ 9	Ngã ba ông Cảnh (thôn 2)	Hết ranh giới thửa đất Trạm nguyên liệu thuốc lá Nam	300.000
		Trạm nguyên liệu thuốc lá Nam	Cầu chữ V, hết ranh xã Khuê Ngọc Diên	350.000
		Đầu phía Đông Cầu sắt (Khuê Ngọc Diên)	Hết lò gạch ông Nguyễn Sĩ (thôn 9)	400.000
2	Tỉnh lộ 12	Hết lò gạch ông Nguyễn Sĩ (thôn 9)	Giáp ranh xã Hoà Lễ	250.000
		Ngã ba đường vào thôn 3	Hết đất vườn nhà bà Nguyễn Thị Nhứt (thôn 4)	300.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
3	Đường giao thông nông thôn	Hết đất vườn nhà bà Nguyễn Thị Nhứt (thôn 4)	Hết đất vườn nhà ông Huỳnh Thái Hạnh (thôn 3)	250.000
		Hết đất vườn nhà ông Huỳnh Thái Hạnh (thôn 3)	Hết khu dân cư thôn 3	180.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Trương Đình Lợi (T 5)	Giáp mương nước qua đường	150.000
		Cuối ranh giới thửa đất bà Nguyễn Thị Học (thôn 5)	Ngã ba lên thôn 4	150.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Nguyễn Mộc (thôn 5)	Mương nước qua đường	150.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Nguyễn Vui (thôn 4)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Cường (thôn 4)	150.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Thành (thôn 4)	Giáp mương thủy lợi	100.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Cảnh (thôn 2)	Giáp cầu Ba Lan	150.000
		Hết đất vườn ông Nguyễn Đình Nghĩa (thôn 1)	Hết khu dân cư	100.000
		Hết đất vườn ông Nguyễn Loan (thôn 1)	Hết đất vườn nhà ông Trần Văn Châu (thôn 1)	100.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà bà Vu (thôn 2)	Đầu vườn nhà ông Phan Tấn Thành	100.000
		Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Tú (thôn 9)	Ngã ba xuống lò gạch ông Xuân	100.000
4	Khu dân cư còn lại	Đầu ranh giới thửa đất ông Hồ Thảo (Lái xe Lâm trường)	Hết ranh giới thửa đất Trường học Mẫu giáo (thôn 6)	100.000
		Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Đình Cảnh (thôn 8)	Ngã ba nhà ông Hoàng (thôn 8)	150.000
III	Xã Hoà Lễ			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Khuê Ngọc Điền	Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Thông (thôn 2)	200.000
		Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Thông (thôn 2)	Hết đất vườn ông Đoàn Vĩnh Phú (thôn 2)	250.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOÀN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Hết đất vườn ông Đoàn Vĩnh Phú (thôn 2)	Hết đất vườn ông Võ Nhựt (thôn 3)	150.000
		Hết đất vườn ông Võ Nhựt (thôn 3)	Cầu Hố Kè thôn 4	100.000
		Cầu Hố Kè thôn 4	Đầu ranh Trụ sở UBND xã (thôn 7)	200.000
		Đầu ranh giới thửa đất Trụ sở UBND xã (thôn 7)	Hết ranh giới thửa đất ông Vũ Xuân Trờ (thôn 8)	350.000
		Hết đất vườn ông Vũ Xuân Trờ (thôn 8)	Cầu thôn 9	200.000
		Cầu thôn 9	Giáp ranh xã Hoà Phong	100.000
		Đầu đường Đông Lễ	Hết trục đường Đông Lễ	100.000
		Giáp ranh giới thửa đất nhà bà Hậu (thôn 7)	Hết ranh giới thửa đất ông Đặng Ngọc Sơn (thôn 7)	120.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Đặng Ngọc Sơn (thôn 7)	Hết Chợ xã Hoà Lễ (thôn 5)	80.000
2	Đường giao thông nông thôn		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Huỳnh Lại (thôn 2)	80.000
3	Khu dân cư còn lại			60.000
IV	Xã Hoà Phong			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hoà Lễ	Cổng chào thôn 4	120.000
		Cổng chào thôn 4	Đầu ranh Trường TH cơ sở Hoà Phong	350.000
		Đầu ranh giới thửa đất Trường TH cơ sở Hoà Phong	Hết đất vườn nhà ông Lê Yên	250.000
		Hết đất vườn nhà ông Lê Yên	Hết đất vườn nhà ông Phạm Văn Năm	100.000
		Hết đất vườn nhà ông Phạm Văn Năm	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Trương Phụng	80.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Trương Phụng	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Hữu Thành	180.000
		Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Hữu Thành	Cầu thôn 2	120.000
		Cầu thôn 2	Cây đa Cổng chào thôn 1	100.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Cây đa Công chào thôn 1	Giáp ranh xã Cư Pui	80.000
		Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Tâm	Hết đất vườn ông Mai Viết Tăng	70.000
		Hết đất vườn ông Mai Viết Tăng	Hết khu dân cư thôn 6	50.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Võ Văn Tư (Nga)	Hết ranh giới thửa đất Trường Tiểu học buôn Tliêr	80.000
2	Đường giao thông nông thôn	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Ama Sinh (Ngô B)	Ngã ba đầu buôn Ngô A	60.000
		Ngã ba đầu buôn Ngô A	Hết vườn ông Y Blân Éung	60.000
		Đầu tiểu học thôn Noh Prông	Hết vườn ông Ngô Văn Dũng	60.000
		Hết vườn ông Ngô Văn Dũng	Hết vườn ông Thảo	50.000
		Đầu vườn ông Ngô Hùng Sinh	Hết vườn nhà ông Vàng	50.000
3	Khu dân cư còn lại			50.000
V	Xã Cư Pui			
		Giáp ranh xã Hoà Phong	Ngã ba đường đi buôn Ngó	120.000
		Ngã ba đường đi buôn Ngó	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y Khiêm (Buôn Lăk)	80.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y Khiêm (buôn Lăk)	Ngã ba nhà ông Liêm (buôn Lăk)	250.000
1	Tỉnh lộ 12	Ngã ba nhà ông Liêm (buôn Lăk)	Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Trọng Hoàng (Điện Tân)	130.000
		Đầu ranh giới thửa đất ông Ng. Trọng Hoàng (Điện.Tân)	Cầu Điện Tân (Êa Mun)	200.000
		Cầu Điện Tân (Êa Mun)	Ngã ba buôn Khanh (vào Cầu treo)	250.000
		Ngã ba buôn Khanh (vào Cầu treo)	Giáp ranh xã Cư Đrăm	300.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Đỗ Hữu Đức	Ngã ba đi hang đá Đăk Tuôr	200.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
2	Đường giao thông nông thôn	Cuối ranh giới thửa đất ông Ama Bơh	Hết khu dân cư	60.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Song	Hết đất vườn nhà ông Lê Hữu Cư	60.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Lê Văn Tho	Hết đất vườn nhà ông Ngô Văn Huân	60.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Ama Huy	Đầu cầu treo buôn Khanh	70.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Ama Thái	Hết khu dân cư	60.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Phạm Hội	Hết khu dân cư	60.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà bà Mí Ne	Hết đất vườn nhà ông Ama Hanh	70.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà bà H' Quang	Hết đất vườn nhà bà H' Rung	70.000
3	Khu dân cư còn lại	Từ Ngã ba đường đi buôn Ngô, xã Hoà Phong	Hết ngã ba đầu buôn Ngô A, xã Hòa Phong	700.000
		Cầu treo buôn Khóa	Hết thôn Cư Tê, xã Cư Pui	60.000
VI	Xã Cư Drăm			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Cư Pui	Cầu Êa Găm	220.000
		Cầu Êa Găm	Cầu nhà bà Mí Tuấn	250.000
		Cầu nhà bà Mí Tuấn	Đầu ranh giới thửa đất vườn nhà ông Lò Văn Mai	200.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Lò Văn Mai	Hết ranh giới thửa đất Trạm Y tế xã	400.000
		Hết ranh đất Trạm Y tế xã	Cầu buôn Chàm A	600.000
2	Đường đi Yang Mao	Ngã ba bà Lịch	Hết đất vườn ông Dương Văn Tho	500.000
		Hết đất vườn ông Dương Văn Tho	Hết đất vườn nhà ông Ama Hậu	200.000
		Hết đất vườn nhà ông Ama Hậu	Giáp ranh xã Yang Mao	100.000
3	Đường đi Yang Hăn	Cầu buôn Chàm A	Hết đất vườn nhà bà Liễu	200.000
		Hết đất vườn nhà bà Liễu	Cầu ông Mười	150.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
4	Đường giao thông nông thôn	Cầu ông Mười	Cầu ông Nguyễn	100.000
		Cầu ông Nguyễn	Cầu ông Tám	120.000
		Cầu ông Tám	Cổng nhà ông Lâm	200.000
		Cổng nhà ông Lâm	Giáp ranh huyện M'Drăk	80.000
		Ranh giới thửa đất nhà ông Bình	Cầu Quang Vui	150.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà bà Hiền Ty	Ngã ba nhà Ama Joét	200.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Thường	Ngã ba nhà Ama Châu	200.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Nhật	Ngã ba nhà Ama Tý	200.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Năm	Ngã ba nhà Y' Xiu Nié	200.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà Vĩnh Hoàng	Giáp Bến xe	250.000
5	Đường liên xã	Ngã ba nhà bà Liễu	Giáp ranh Thôn 1 xã Yang Mao	120.000
6	Khu dân cư còn lại buôn Cư Drăm			100.000
7	Khu dân cư còn lại buôn Châm A			120.000
8	Khu dân cư còn lại			60.000
VII	Xã Yang Mao			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Cư Drăm	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Huỳnh Tấn Chín	60.000
			Cầu Êa Mhăt	80.000
		Cầu Êa Mhăt	Ngã ba đất vườn ông Ama Hin	60.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
		Ngã ba đất vườn ông Ama Hin	Hết đất nhà ông Ama Dun	160.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Amma Dun	Ngã ba đi buôn Mghí	120.000
		Ngã ba đi buôn Mghí	Hết ranh giới thửa đất ông Ama Huyền (B.Kiêu)	60.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Ama Huyền (B.Kiêu)	Hết khu dân cư buôn Hàng Năm	50.000
		Ranh giới thửa đất nhà ông Ama Dung	Hết đất vườn nhà bà Tân (thôn 3)	50.000
		Giáp ranh giới thửa đất nhà bà Tân (thôn 3)	Cổng suối Êa Knol	50.000
2	Đường giao thông cấp phối	Cổng suối Êa Knol	Hết đất vườn nhà ông Đinh Văn Quảng (thôn 1)	70.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Ama Hin	Giáp Trường THCS Yang Mao	50.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Ama Kiệt	Giáp ranh giới thửa đất bà Trần Nhâm Sáu	60.000
3	Khu dân cư còn lại			50.000
VIII Xã Yang Reh				
		Cầu Giang Som (giáp ranh huyện Cư Kuin)	Hết đất vườn ông Phạm Văn Ruyến	200.000
		Hết đất vườn ông Phạm Văn Ruyến	Đầu nghĩa địa buôn Cuah A	120.000
		Đầu nghĩa địa buôn Cuah A	Hết ranh giới đất Trường Mẫu giáo Buôn Cuah B	70.000
		Hết Trường Mẫu giáo buôn Cuah B	Hết đất vườn ông Trịnh Ngọc Hoàng	90.000
1	Quốc lộ 27	Hết đất vườn ông Trịnh Ngọc Hoàng	Đầu ranh trụ sở UBND xã Yang Reh	300.000
		Đầu ranh giới thửa đất trụ sở UBND xã Yang Reh	Đầu điểm đập tràn hồ Yang Reh	500.000
		Đầu điểm đập tràn hồ Yang Reh	Cầu Tân Đức	140.000
		Cầu Tân Đức	Giáp ranh huyện Lăk	100.000
2	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Ea Trul	Cầu Yang Reh	250.000
		Cầu Yang Reh	Hết đất vườn ông Trương Quốc Cường	400.000
3	Đường giao thông nông thôn			60.000
4	Khu dân cư còn lại			50.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
IX	Xã Ea Trul			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hoà Sơn	Cầu thôn 3 Ea Trul	100.000
		Cầu thôn 3 Ea Trul	Hết đất vườn nhà ông Trịnh Minh Hùng	120.000
		Hết đất vườn nhà ông Trịnh Minh Hùng	Hết đất vườn ông Bùi Thắng Lực	110.000
		Hết đất vườn ông Bùi Thắng Lực	Đầu ranh giới thửa đất ông Y' Khon	100.000
		Đầu ranh giới thửa đất ông Y' Khon	Đầu ranh giới thửa đất ông Y' Wong	110.000
		Ranh giới thửa đất nhà ông Y' Wong	Hết đất vườn nhà ông Y' Duyệt	140.000
		Hết đất vườn nhà ông Y' Duyệt	Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Ea Trul	250.000
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Ea Trul	Hết đất vườn ông Trương Quang Toàn	300.000
		Hết đất vườn ông Trương Quang Toàn	Hết đất vườn ông Đồng Sỹ Âu	500.000
		Hết đất vườn ông Đồng Sỹ Âu	Giáp ranh xã Yang Reh	250.000
		Hết đất vườn ông Đồng Sỹ Âu		
2	Đường giao thông nông thôn			70.000
3	Khu dân cư còn lại			50.000
X	Xã Hoà Sơn			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh thị trấn Krông Kmar	Ngã ba đi thôn 7 (nhà ông Điền)	600.000
		Ngã ba đi thôn 7 (nhà ông Điền)	Hết đất vườn nhà ông Ký	450.000
		Hết đất vườn nhà ông Ký	Hết đất vườn nhà ông Linh	350.000
		Hết đất vườn nhà ông Linh	Hết cây xăng Thành Tâm (ông Tàu)	250.000
		Hết cây xăng Thành Tâm (ông Tàu)	Cầu thôn 2 Hoà Sơn	550.000
		Cầu thôn 2 Hoà Sơn	Giáp ranh xã Ea Trul	300.000
2	Đường giao thông nông thôn	Đầu ranh giới thửa đất ông Hồ	Cuối ranh giới thửa đất nhà máy đá Trung Văn	100.000
		Cuối ranh nhà máy đá Trung Văn	Cuối đường đi thôn 7	80.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
		Ngã ba buôn Za (Cổng N3)	Đến đầu cổng khu du lịch thác Krông Kmar	200.000
3	Khu dân cư còn lại			50.000
XI	Xã Hoà Tân			
1	Đường giao thông nông thôn	Ngã ba cầu Chữ V về hướng Tây	Hết đất vườn ông Hoàng Ngọc Tâm	80.000
		Hết đất vườn ông Hoàng Ngọc Tâm	Hết nghĩa địa xã Hoà Tân	70.000
		Hết nghĩa địa xã Hoà Tân	Hết ranh giới thửa đất Trường Tiểu học Hoà Tân (thôn 3)	65.000
		Ngã ba trụ sở UBND xã Hoà Tân	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Ngộ	55.000
		Đầu ranh giới thửa đất Trường Mẫu giáo Hoà Tân (thôn 6)	Hết đất vườn ông Nguyễn Vui (thôn 3)	60.000
2	Khu dân cư còn lại			70.000
XII	Xã Cư Kty			
1	Tỉnh lộ 9	Ngã ba cầu Chữ V về hướng Bắc	Ngã ba ông Lưu Châu	300.000
		Ngã ba ông Lưu Châu	Ngã ba ông Hồ Lưu Thành	230.000
		Ngã ba ông Hồ Lưu Thành	Ngã ba Thăng Bình	250.000
		Ngã ba Thăng Bình	Cổng Văn hoá thôn 1	350.000
		Cổng Văn hoá thôn 1	Hết đất vườn ông Trương Văn Cường	400.000
		Hết đất vườn ông Trương Văn Cường	Hết đất vườn ông Trần Văn Đường	350.000
		Hết đất vườn ông Trần Văn Đường	Hết ranh giới thửa đất Trạm Y tế xã Cư Kty	400.000
		Hết Trạm Y tế xã Cư Kty	Ngã ba ông Võ Quốc Ước	200.000
		Ngã ba ông Võ Quốc Ước	Giáp ranh xã Dang Kang	170.000
		Ngã ba Thăng Bình (về hướng Đông)	Ngã ba ông Nguyễn Văn Hà	100.000
	Ngã ba ông Nguyễn Văn Hà	Ngã ba ông Trần Thanh Hồng	90.000	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m2)
		Từ	Đến	
2	Đường giao thông nông thôn	Ngã ba ông Trần Thanh Hồng	Ngã ba ông Nguyễn Công Lành	80.000
		Ngã ba ông Nguyễn Công Lành	Hết đất vườn nhà ông Võ Văn Tinh	70.000
		Ngã tư thôn 2	Cổng bà Nha	70.000
		Cổng bà Nha	Cổng 3 sào	65.000
		Cổng 3 sào	Giáp đập Cư Đrang	60.000
		Ngã ba Thăng Bình (về hướng Tây)	Ngã ba ông Nguyễn Văn Quang	150.000
		Ngã ba ông Nguyễn Văn Quang	Ngã ba ông Huỳnh Văn Mười	100.000
		Cuối ranh giới thửa đất vườn ông Huỳnh Duy Hồng	Cổng Văn hoá thôn 4	150.000
		Cổng Văn hoá thôn 4	Ngã ba ông Phan Ước	100.000
		Ngã ba ông Phan Ước	Cổng đồng Ảng ten	70.000
		Cổng đồng Ảng ten	Giáp ranh xã Ea Yêng	60.000
		Cuối ranh giới thửa đất Trạm Y tế xã Cư Kty	Ngã ba Rừng le	150.000
3	Khu dân cư còn lại	Ngã ba Rừng le	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Kim Tuấn	100.000
		Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Kim Tuấn	Hết đất vườn nhà ông Bùi Quang	70.000
XIII	Xã Hoà Thành			60.000
1	Đường giao thông nông thôn	Giáp ranh xã Dang Kang	Hết ranh giới thửa đất Trường cấp I Hoà Thành (thôn 3)	150.000
		Hết ranh giới thửa đất Trường cấp I Hoà Thành (thôn 3)	Hết đất vườn ông Ngô Văn Khanh (thôn 4)	100.000
		Giáp ranh giới thửa đất ông Bùi Hữu Hoá (thôn 5)	Hết đất vườn ông Trương Văn Hải (thôn 6)	80.000
		Giáp ranh giới thửa đất ông Trần Hạ (thôn 6)	Hết đất vườn ông Lưu Văn Thiên (thôn 6)	70.000
2	Khu dân cư còn lại			60.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá (đồng/m ²)
		Từ	Đến	
XIV	Xã Dang Kang			
1	Tỉnh lộ 9	Giáp ranh xã Cuk ty	Đầu ranh giới thửa đất vườn bà Lê Thị Hồng (CưNunA)	250.000
		Đầu ranh giới thửa đất bà Lê Thị Hồng (CưNunA)	Hết đất vườn nhà ông Ama Miên (A)	300.000
		Hết đất vườn nhà ông Ama Miên (A)	Hết đất nhà ông Lộc (cũ: ông Y' Bleng Niê (A)	500.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lộc (cũ: ông Y' Bleng Niê (A)	Giáp ranh xã Tân Tiến-Krông Pắc	400.000
			Cầu Hoà Thành	250.000
		Cầu Hoà Thành	Giáp ranh xã Hoà Thành	200.000
2	Đường giao thông nông thôn	Ngã ba Hoà Thành (vào sâu 50m)		
		Ngã ba ông Hà Phiếu (thôn 1 vào 50 m)	Hết đất vườn ông Huỳnh Tò (thôn 3)	250.000
		Hết đất vườn ông Huỳnh Tò (thôn 3)	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Hồng	150.000
		Ranh giới thửa đất nhà bà Châu Thị Tao (thôn 3) Ranh giới thửa đất nhà ông Dương Văn Cường (vào sâu 20 m)	Hết đất vườn nhà ông Trần Minh (thôn 3)	150.000
		Ngã 3 nhà ông Huỳnh Thanh Hải (Buôn Dang Kang) vào sâu 50 m	Hết vườn nhà ông Y Yâm Niê (Buôn Cư Păm)	80.000
		Ngã 3 nhà bà H' Yuôn Niê (Buôn Dang Kang) vào sâu 50 m	Hết vườn nhà ông Y Bham Ênuôl (Buôn Dang Kang)	70.000
3	Khu dân cư còn lại	Ngã 3 nhà ông Y Nai Niê (Buôn Cư Păm)	Hết vườn nhà ông Y Ngê Niê (Buôn Dang Kang)	70.000
		Ngã ba nhà ông Y Biệt Éban (Buôn Cư Păm) vào sâu 50 m	Hết vườn nhà ông Trần Xuân Hùng (Buôn Cư Păm)	70.000
				60.000